SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700495999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31/03/2008 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 16/05/2013)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:……./SGD……- QĐ do…….cấp ngày … tháng. . . năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Chế tạo máy- Vinacomin

Trụ sở chính : 486 Đường Trần Phú, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : (+84) 333.862619

Fax : (+84) 333.862734

Website : www.chetaomay.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 39724568

Fax : (84-4) 39724600

Website : www.vndirect.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Minh Tuấn *Số điện thoại: 0912 264 886* *Chức vụ: Trưởng phòng TCLĐ*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY- VINACOMIN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700495999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31/03/2008 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 16/05/2013)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế tạo Máy - Vinacomin
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	CTT
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	4.085.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	:	40.850.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ trụ sở chính : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3824 1990

Fax : (84.4) 3825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 39724568

Fax : (84-4) 39724600

Website : www.vndirect.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 8
4. Rủi ro về thị trường chứng khoán 8
5. Rủi ro về thanh khoản 8
6. Rủi ro khác 9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9
1. Tổ chức niêm yết 9
2. Tổ chức tư vấn 9
III. CÁC KHÁI NIỆM 9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 11
2. Cơ cấu tổ chức công ty 14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 15
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông 22
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 23
6. Hoạt động kinh doanh 24
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 33
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 36
9. Chính sách đối với người lao động 38
10. Chính sách cổ tức 40
11. Tình hình hoạt động tài chính 41
12. Hội đồng quản trị. Ban giám đốc. Ban kiểm soát. Kế toán trưởng 49
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty 61
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo 62
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức. 65
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 66
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết. 66
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 67
1. Loại chứng khoán 67
2. Mệnh giá 67

3. Mã chứng khoán.....67
4. Tổng số chứng khoán niêm yết 67
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....67
6. Giá trị sổ sách của cổ phiếu.....68
7. Phương pháp tính giá 68
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 69
9. Các loại thuế có liên quan.....69
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 70
1. Đơn vị tư vấn 70
2. Đơn vị kiểm toán:.....70
VII. PHỤ LỤC 71
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 71
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty 71
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 71
4. Phụ lục khác 71

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của VMC 15
Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại ngày 15/12/2014 22
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập 23
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 15/12/2014 23
Bảng 4: Cơ cấu Tổng doanh thu năm 2013 và 2014 25
Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2013 và 2014 26
Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp năm 2013 và 2014 27
Bảng 7: Một số nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty 28
Bảng 8: Chi phí sản xuất kinh doanh 29
Bảng 9: Một số máy móc thiết bị chuyên dụng Công ty đang sử dụng 31
Bảng 10: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện 32
Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty 2013 và 2014 33
Bảng 12: So sánh các công ty cùng ngành 37
Bảng 13: Cơ cấu lao động Công ty tại 31/12/2014 38
Bảng 14: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm 40
Bảng 15: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty 41
Bảng 16: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản 41
Bảng 17: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 41
Bảng 19: Chi tiết số dư các khoản vay 42
Bảng 20: Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn 43
Bảng 21: Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn 44
Bảng 22: Chi tiết hàng tồn kho 45
Bảng 23: Chi tiết các khoản phải thu 46
Bảng 24: Tình hình trích lập phải thu khó đòi 47
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải trả 47
Bảng 26: Các khoản nợ quá hạn đã được gia hạn 48
Bảng 27: Tài sản thuộc sở hữu Công ty 61
Bảng 28: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty 62
Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 62
Bảng 30: Danh sách nắm giữ cổ phần 67
Bảng 31: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty cổ phần Chế tạo máy Vinacomin 68

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực trong năm 2014. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát sau khi Nhà nước thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô cũng như điều hành linh hoạt, hiệu quả các công cụ chính sách tài khóa và tiền tệ, thực hiện các chính sách, biện pháp tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, hàng tồn kho và hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên. Tuy vậy, vẫn còn nhiều khó khăn mà các doanh nghiệp phải đối mặt để có thể duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy – Vinacomin cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những rủi ro do kinh tế vĩ mô của Việt Nam và thế giới mang lại.

1.1. *Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới*

Trong Báo cáo tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2015, Liên hợp quốc đã nhận định tình hình kinh tế thế giới có những khởi sắc trong năm 2015, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Với những dấu hiệu tích cực xuất hiện vào cuối năm 2014, Liên hợp quốc dự đoán tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt mức 3,3% trong năm 2015, cao hơn so với mức ước tính 2,1% trong năm 2014. Việc chấm dứt thời kỳ suy thoái kéo dài của khu vực sử dụng đồng euro và sự hồi phục của kinh tế Mỹ cũng như một số nền kinh tế lớn đang nổi trong đó có Trung Quốc được đánh giá là những yếu tố chủ yếu kích thích nền kinh tế thế giới tăng trưởng.

Lạm phát trên toàn thế giới dự báo sẽ ở mức vừa phải trong năm 2015, một phần do sản xuất suy giảm, tỷ lệ thất nghiệp cao và việc tập trung vào các mục tiêu giảm nợ công của các nước phát triển. Các hoạt động giao dịch thương mại quốc tế dự kiến sẽ hồi phục nhẹ, lên mức 4,7%, trong khi đó, giá cả hầu hết các nguyên liệu thô vẫn ổn định mặc dù những biến động bất ngờ liên quan đến nguồn cung có thể xảy ra đẩy giá các mặt hàng này lên cao hơn.

Tăng trưởng kinh tế thế giới kéo theo nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng lớn. Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin chủ yếu cung cấp sản phẩm cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nên cũng sẽ chịu nhiều tác động từ tình hình kinh tế khu vực và thế giới.

1.2. *Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam*

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội GDP năm 2014 ước tính tăng trưởng 5,98%, trong đó quý 1 tăng 5,06%, quý 2 tăng 5,34%, quý 3 tăng 6,07%, quý 4 tăng 6,96%. Mức tăng trưởng 5,98% năm 2014 vượt mục tiêu 5,8% đề ra và cao hơn mức tăng 5,42% của năm 2013. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy việc định hướng và thực thi chính sách với mục tiêu đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế đồng thời nới lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa một cách thận trọng để hỗ trợ tăng trưởng là hợp lý và đang dần phát huy hiệu quả. Trong năm 2015, Chính phủ đề ra các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cơ bản bao gồm: GDP tăng trưởng 6,2% so với năm 2014, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10% so với ước thực hiện năm 2013, tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 10%, tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30-32% GDP. Tuy tình hình kinh tế trong nước nhìn chung đã có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức trong ngắn hạn và chưa thể tăng trưởng cao trong 1-2 năm tới. Sức mua trên thị trường còn yếu do sản xuất, kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới thu nhập và đời sống của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2014 ước tăng 10,6%, loại trừ yếu tố giá chỉ tăng 6,3%, cao hơn so với năm 2013 (tăng 5,5%). Trong khi đó, chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/12/2014 của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10% so với cùng thời điểm năm 2013. Sản xuất vẫn chưa vững

chắc do mức tiêu thụ sản phẩm hàng hóa còn thấp nên các doanh nghiệp chưa dám đầu tư đẩy mạnh sản xuất vì sẽ tiếp tục làm tăng hàng tồn kho. Cùng với đó, tình hình nợ xấu, cân đối tài chính của các doanh nghiệp vẫn chưa giải quyết triệt để nên doanh nghiệp vẫn khó vay được vốn ngân hàng.

Ngành công nghiệp của Việt Nam đang phát triển chậm trong những năm gần đây, việc chỉ số hàng tồn kho tăng cao vào thời điểm cuối năm 2014 là một điểm cần lưu ý cho những doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo máy như Vinacomin. Tuy vây, Chế tạo máy Vinacomin vẫn là một trong những công ty con vững mạnh và truyền thống cung ứng sản phẩm cho sự phát triển của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam.

1.3. *Lãi suất*

Lãi suất ngân hàng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Biến động về mặt lãi suất sẽ ảnh hưởng đến cơ cấu và chi phí vốn của mỗi doanh nghiệp.

Năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã giảm 2% các mức lãi suất điều hành; giảm 3%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn với lĩnh vực ưu tiên; giảm 1% lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi và từ cuối tháng 6 cho phép các tổ chức tín dụng tự ấn định lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Mặt bằng lãi suất theo đó cũng giảm 2-5%/năm so với năm 2013 và trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Đến cuối năm, lãi suất các khoản vay cũ đã về dưới 13%/năm, lãi suất cho vay các khoản mới kỳ hạn ngắn chỉ còn 8 - 9%/năm. Lãi suất cho vay giảm cũng là một cơ hội cho doanh nghiệp vay vốn, đầu tư vào trang thiết bị máy móc, nâng cao trình độ công nghệ, thực hiện chỉ thị tiết giảm chi phí hoạt động của Tập đoàn. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty có số dư tiền và tương đương tiền là 4 tỷ đồng, vay nợ ngắn hạn là 45,9 tỷ đồng, và vay nợ dài hạn là 178 tỷ đồng. Việc giảm lãi suất cho vay tạo điều kiện rất thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. *Lạm phát*

Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, lạm phát cả năm 2014 đã thấp ngoài dự đoán chỉ tăng 1,86%. Đây là mức lạm phát thấp hơn cả những năm 1996 – 1999. Theo bảng công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ có hai nhóm giảm giá mạnh là nhà ở vật liệu xây dựng, giảm 0,88% và nhóm giao thông giảm sâu tới 3,01%. Xu hướng âm giá này hoàn toàn thuận chiều theo xu hướng giảm giá xăng dầu liên tục theo giá dầu thô hiện nay. Các nhóm hàng còn lại đều tăng rất khiêm tốn dưới 0,5%. Trên thực tế, tại các nước phát triển, lạm phát trung bình chỉ từ 2-4%. Nếu theo cách tính bình quân tháng như các nước này, lạm phát sẽ được lấy theo con số 3,95%. Con số này là không thấp. Sang năm 2015, dù có nhiều tín hiệu rõ rệt cho sự phục hồi kinh tế, song năm 2015 cũng tiềm ẩn khả năng lạm phát tăng cao do tác động theo độ trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2014, tình hình thiên tai, dịch bệnh và một số hàng hóa, dịch vụ chiến lược, thiết yếu như điện, than, xăng dầu, dịch vụ y tế, giáo dục đang trong tiến trình tăng giá... Ngoài ra, những biến động từ kinh tế thế giới cũng sẽ tác động mạnh tới diễn biến thị trường hàng hóa, giá cả ở Việt Nam, giá nhiều loại nguyên, nhiên vật liệu sẽ biến động phức tạp, do đó, giá các mặt hàng này ở thị trường Việt Nam cũng như chi phí hoạt động sản xuất của doanh nghiệp sẽ biến động theo xu hướng đó.

Trong năm 2015, Chính phủ kiên định mục tiêu kiểm soát lạm phát trong ngưỡng 4-5%. Đây cũng là mức lạm phát kỳ vọng do Ngân hàng Nhà nước đặt ra và có khả năng đạt được. Tuy nhiên, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao hơn trong năm 2015 (6,2%), thì các cơ quan điều hành của Chính phủ cần phối hợp chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa trong điều hành kinh tế vĩ mô.

1.5. *Tỷ giá*

Năm 2014, tỷ giá USD/VND chỉ điều chỉnh tăng 1,3%, thấp hơn so với mục tiêu 2 - 3% Ngân hàng Nhà nước đề ra. Vào cuối năm tỷ giá tại các ngân hàng thương mại niêm yết phổ biến ở mức 21.085 - 21.125 đồng (mua - bán), thấp hơn so với mức 21.100 - 21.246 đồng/USD tại Sở

Giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Dự trữ ngoại hối tăng lên và ước tính đạt trên 30 tỷ USD. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết trong năm 2015 Chính phủ sẽ điều hành tỷ giá linh hoạt nhưng vẫn phải ổn định, với mức điều chỉnh không quá 2%. Với việc tỷ giá USD/VND được giữ ổn định, doanh nghiệp sẽ không gặp khó khăn để thanh toán các khoản vay ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm 2015. Công ty Chế tạo máy Vinacomin nhận nợ phải trả từ hoạt động mua bán thép vì lò với Công ty cổ phần XNK Than Vinacomin bằng tiền USD. Việc tỷ giá được kiểm soát ở mức ổn định giúp cho các chi phí liên quan đến tỷ giá trong thanh toán của Công ty được điều chỉnh giảm, góp phần làm gia tăng lợi nhuận. Đặc biệt, khi dự án Nhà máy cán thép của Công ty đi vào hoạt động vào 2015, Công ty có thể tự sản xuất thép vì lò thay vì nhập khẩu như hiện tại, biến động của tỷ giá sẽ ít ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy-Vinacomin hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Hiện tại, các văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Sự thay đổi trong luật pháp cũng như chính sách của Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. *Rủi ro cạnh tranh*

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy- Vinacomin là đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam. Sản phẩm chủ yếu của Công ty là máy móc, dây chuyền, thiết bị phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản và các hoạt động kinh doanh có liên quan khác của các Công ty con của Tập đoàn. Mặc dù vẫn phải tham gia đấu thầu công khai các gói thầu cung cấp thiết bị, dây chuyền cho Tập đoàn và các thành viên của Tập đoàn, tuy nhiên với lợi thế là công ty con, Công ty có những lợi thế nhất định về mặt thông tin và kinh nghiệm trong việc đấu thầu. Ngoài ra, trong một môi trường thị trường toàn cầu ngày càng hội nhập, sự cạnh tranh không chỉ trong phạm vi các công ty, mà trong các nhà thầu cung ứng sản phẩm và dịch vụ toàn cầu. Đặc biệt trong hoàn cảnh, hầu hết các dự án công nghiệp dùng cơ chế chỉ định thầu, hoặc cơ chế đấu thầu giá thấp đều lọt vào tay Trung Quốc.

3.2. *Rủi ro đặc thù ngành*

Là đơn vị chuyên sản xuất, cung cấp dây chuyền, thiết bị phục vụ Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ biến động của hoạt động khai thác, chế biến Than-Khoáng sản cũng như hoạt động chung của Tập đoàn.

Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động của giá sắt thép và các phụ tùng liên quan sẽ gây biến động lớn trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp.

4. Rủi ro về thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy- Vinacomin sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro về thanh khoản

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 có hiệu lực ngày 01/02/2015 đã có những tác động trực tiếp và gián tiếp đối với thị trường chứng khoán. Điều 14 thông tư 36

quy định, tín dụng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (giảm từ mức 20%) và các tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Những quy định mới này đã ảnh hưởng đến nguồn cung tiền của thị trường chứng khoán, hoạt động giao dịch ký quỹ của các Công ty chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư lo ngại, dẫn đến thị trường mất thanh khoản ảnh hưởng tới toàn mã chứng khoán đang giao dịch và các công ty chuẩn bị niêm yết lên sàn.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ) công trình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Công Hoan	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Bà: Phạm Thu Hương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Hoàng Mạnh Hùng	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông: Phạm Duy

Chức vụ: Giám đốc Khối Khách hàng tổ chức

Giấy UQ số 384/2014/QĐ-VNDIRECT ngày 16/12/2014 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết số 15/2014/HĐTV/VNDIRECT ký ngày 07/07/2014 với Công ty Cổ phần Chế tạo Máy-Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế tạo Máy-Vinacomin cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty, VMC, Công ty Chế tạo Máy	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy- Vinacomin
TKV, Tập đoàn	Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. *Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết*

Tên Công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY- VINACOMIN**
Tên giao dịch quốc tế	:	VINACOMIN- MACHINERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	VMC
Trụ sở chính	:	486 đường Trần Phú, Phường Cẩm Thủy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Trụ sở giao dịch	:	486 đường Trần Phú, Phường Cẩm Thủy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại	:	(84-4) 39 365 868
Fax	:	(84-4) 39 365 869
Chi nhánh Hà Nội	:	Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng Đại diện	:	Khu phố 2, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Website	:	www.chetaomay.com.vn
Logo	:	
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5700495599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 05 năm 2013
Vốn điều lệ hiện tại	:	40.850.000.000 (Bốn mươi tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)
Vốn thực góp hiện tại	:	40.850.000.000 (Bốn mươi tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)
Tài khoản ngân hàng	:	102010000223645
Nơi mở	:	Ngân hàng Công thương TP Cẩm Phả- Quảng Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5700495599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 05 năm 2013, bao gồm:

- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng

- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Sửa chữa các thiết bị khác
- Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp
- Bảo dưỡng, sửa chữ ô tô và xe có động cơ khác
- Đúc sắt thép
- Đúc kim loại màu
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
- Sản xuất hóa chất cơ bản
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ
- Đóng tàu và cấu kiện nổi
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
- Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu
- Hoạt động kiến trúc
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

1.2. *Quá trình hình thành, phát triển*

Tiền thân của Công ty là Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm phả được thành lập ngày 23 tháng 7 năm 1968 theo Quyết định số 739 QĐ/KB2 ngày 23/07/1968 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng.

Theo Thông báo số 143/TB ngày 5/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc thành lập lại Công ty Cơ khí mỏ, Bộ Năng lượng có quyết định số 468 NL/TCCB-LĐ ngày 30/06/1993 về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả thuộc Công ty Cơ khí mỏ.

Sau khi sát nhập trở lại Tổng Công ty Than Việt nam theo quyết định số 28/2001/QĐ-BCN ngày 23/05/2001 của Bộ Công nghiệp, ngày 12/5/2004, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo Máy Than Việt Nam.

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3675/QĐ-BCN ngày 19/12/2006 của Bộ Công nghiệp. Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty vào ngày 28/02/2008 và được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2008.

Ngày 12/4/2009, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.3. *Quá trình tăng vốn*

Kể từ khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ năm 2008, đến nay Công ty vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 40.850.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

1.4. *Các thành tích đạt được*

Trong những năm qua, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao về mặt chất lượng vì vậy Công ty liên tục nhận được rất nhiều bằng khen và giải thưởng của Chính phủ và các bộ ban ngành.

1981	Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao Động hạng Ba cho Công ty
1984	Bộ Mỏ và Than tặng đơn vị thi đua xuất sắc nhất Khối Cơ khí
1994	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam tặng Bằng khen CBCNVC Cơ khí TTCP- Công ty Cơ khí Mỏ - Bộ Năng lượng đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng hệ thống tải điện 500KV Bắc Nam
1993	Chính phủ tặng Cờ luân lưu cho đơn vị thi đua khá nhất xây dựng đường dây 500KV Bắc – Nam

1998	Bộ Công nghiệp tặng Bằng khen Công ty CKTTCP - Tổng Công ty CKNL và Mỏ đã có nhiều thành tích trong công tác kỹ thuật an toàn lao động công nghiệp 1997 - 1998
2000	Bộ Công nghiệp tặng Bằng khen Công ty CKTTCP - Tổng Công ty CKNL và Mỏ đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua thực hiện công tác AT - BHLĐ 5 năm (1996 - 2000)
2005	Bộ Công nghiệp tặng đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua
2007	Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao Động hạng Nhì cho Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 - 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ Quốc
2007	Bộ Công Thương tặng Bằng khen đơn vị có phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2007
2008	Bộ Công Thương tặng cờ cho Công ty vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2008
2010	Chính phủ tặng cờ thi đua cho Công ty về đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua 2010
2013	Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam công nhận Công ty là doanh nghiệp thành viên tiêu biểu vì sự phát triển công nghiệp cơ khí Việt Nam giai đoạn 2002 - 2012.
2013	Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất cho Công ty

Ngoài ra Công ty còn nhận được khen của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Liên đoàn lao động Việt nam, Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho các tổ chức chính trị trong Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin có cơ cấu tổ chức như sau:

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 486 - Trần Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

Điện thoại: (+84) 333.862619 Fax: (+84) 333.862734

Chi nhánh Hà Nội:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo Máy- Vinacomin

Địa chỉ: Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Mã số chi nhánh: 5700495999-001

Văn phòng đại diện:

Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Chế tạo Máy- Vinacomin – Ban điều hành dự án VNNV tại Lâm Đồng

Địa chỉ: Khu phố 2, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mã số văn phòng đại diện: 5700495999-02

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của VMC

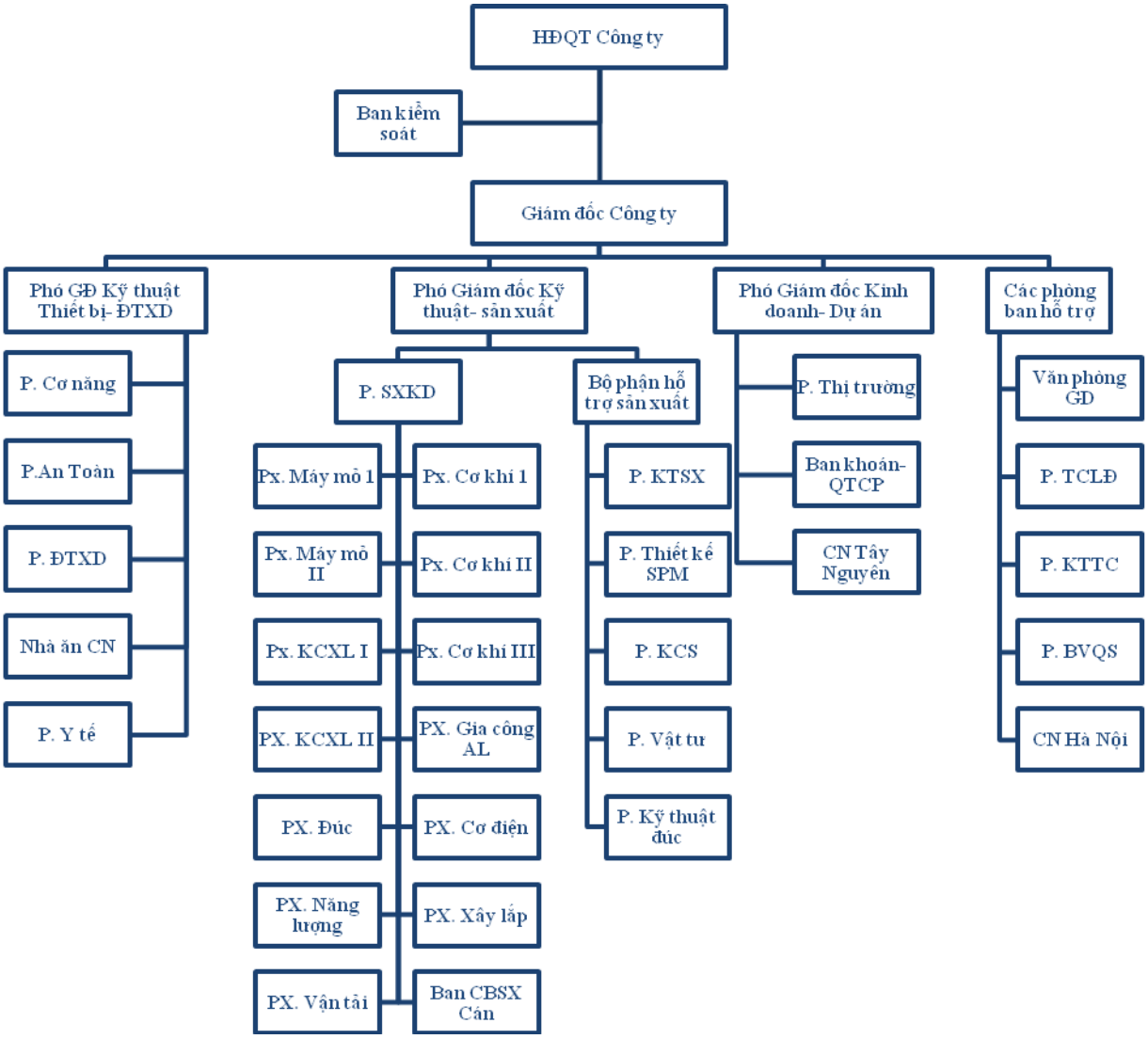

(Nguồn: VMC)

3.1. *Đại hội đồng cổ đông*

Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Hoạt động của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Hoạt động của Công ty.

3.2. *Hội đồng quản trị*

Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định hoạt động kinh doanh, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty. Cơ cấu HĐQT của Công ty như sau:

Nguyễn Công Hoan	Chủ tịch HĐQT
Lê Viết Sự	Ủy viên

Bùi Xuân Hạnh	Ủy viên
Đinh Văn Tấn	Ủy viên
Nguyễn Văn Thể	Ủy viên

3.3. *Ban kiểm soát*

Ban Kiểm soát có quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Ban kiểm soát của của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban
Nguyễn Chí Sinh	Ủy viên
Chu Thị Việt Trung	Ủy viên

3.4. *Ban giám đốc*

Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Các Phó Giám đốc giúp việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc Ủy quyền theo quy định của Pháp luật. Ban giám đốc của Công ty gồm:

Nguyễn Công Hoan	Giám đốc
Lê Viết Sự	Phó Giám đốc
Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc
Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc

3.5. *Kế toán trưởng*

Kế toán trưởng được Giám đốc đề nghị và do HĐQT bổ nhiệm

Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng

3.6. *Các phòng ban chức năng*

- **Phòng Cơ năng**: Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực sau:
  - Quản lý kỹ thuật hoạt động của toàn bộ hệ thống thiết bị công nghệ, sản xuất, cơ khí, đúc luyện kim, thiết bị năng lượng của Công ty;
  - Quản lý vận hành hệ thống thong tin liên lạc, hệ thống kiểm nhiệt, thí nghiệm, hiệu chỉnh khí cụ điện của Công ty.
- **Phòng An toàn: Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực an toàn và bảo hộ lao động**
- **Phòng Đầu tư xây dựng**: Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực sau:
  - Quản lý, quy hoạch sử dụng quỹ đất đai công nghiệp và dân cư;

- Quản lý sử dụng vật kiến trúc công nghiệp và dân cư;
- Định hướng xây dựng quản lý các dự án đầu tư phát triển của Công ty.

❖ **Nhà ăn Công nhân**

- Tổ chức phục vụ ăn giữa ca, cấp bồi dưỡng độc hại, phục vụ khách đến làm việc tại Công ty ...
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ ăn uống giải khát.

❖ **Phòng y tế: Theo dõi, chăm sóc tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV trong Công ty**

❖ **Phòng Thị trường**: Phòng Thị trường tham mưu cho Giám đốc Công ty các lĩnh vực sau:

- Trên cơ sở điều tra, khảo sát, nghiên cứu, dự báo nhu cầu hàng hoá, sản phẩm giá cả của thị trường trong và ngoài nước để tham mưu cho Giám đốc công ty trong xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược tiếp cận và giành thị trường.
- Tiếp cận các thông tin về nhu cầu của các chủ dự án, phối hợp với các phòng Kỹ thuật sản xuất, Sản xuất kinh doanh, Đầu tư xây dựng, Tổ chức lao động lập các dự án đấu thầu, nhận thầu chế tạo, xây lắp.
- Triển khai phối hợp với các phòng Kỹ thuật sản xuất, Sản xuất kinh doanh, Đầu tư xây dựng, Tổ chức lao động thực hiện để đưa các công trình dự án trúng thầu vào sản xuất. Đại diện Công ty làm việc với nhà thầu và các bên liên quan theo chức năng của phòng được Giám đốc công ty giao và uỷ quyền: liên hệ, nộp thầu, giải trình, phối hợp giám sát... nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

❖ **Ban khoán-QTCP**

- Chỉ đạo công tác dự thảo các kế hoạch thường kỳ và dài hạn về các mặt hoạt động của Công ty phải tính toán dựa trên các cơ sở phù hợp với nhiệm vụ cho kế hoạch kinh tế quốc dân đặt ra.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính của Công ty, thông qua và gắn mối liên hệ giữa các phần kế hoạch.
- Đảm bảo việc tổng hợp, phân tích hoạt động kinh tế của Công ty kịp thời chính xác.
- Tham gia xây dựng các biện pháp làm tăng nhanh năng suất lao động, sử dụng có hiệu quả mọi năng lực sản xuất, mọi tiềm năng vật tư và lao động.
- Dự thảo kế hoạch thường kỳ và dài hạn về giá trị sản lượng, sửa chữa lớn, tài sản cố định của Công ty.
- Cùng với tổ thống kê kiểm tra chỉ đạo về phương pháp tổ chức và hoàn thiện việc mở rộng lĩnh vực hoạt động hạch toán kinh tế nội bộ.
- Tổ chức kiểm tra thường kỳ quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch. Thống kê tất cả các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo đúng biểu mẫu quy định và báo cáo đúng thời hạn với cấp trên.
- Tính toán xác định suất lợi nhuận của từng loại sản phẩm - tìm biện pháp hạ giá thành đảm bảo sản xuất có lãi.

❖ **Chi Nhánh Tây Nguyên**: Khai thác việc làm, dịch vụ thương mại trong và ngoài ngành Than, điều hành các dự án mà Công ty thực hiện tại khu vực Tây Nguyên.

❖ **Văn phòng Giám đốc:** Văn phòng Giám đốc có chức năng tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác hành chính Văn phòng

- Thi đua, tuyên truyền
- Quản trị văn phòng làm việc, nhà ở, nhà khách

❖ **Chi nhánh Công ty tại Hà Nội**

- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội là đơn vị trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty.
- Là đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Công ty theo quy chế hoạt động Chi nhánh, có con dấu và tài khoản riêng. Giám đốc chi nhánh được quyền ký kết các Hợp đồng sản xuất và dịch vụ theo giá trị giới hạn do Công ty quy định.
- Trong mọi hoạt động kinh doanh sản xuất và dịch vụ thương mại của mình Chi nhánh phải tuân theo điều lệ, các quy định hướng dẫn về công tác mua bán, dịch vụ xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng của Bộ, ngành, Tập đoàn TKV và Công ty, pháp luật nhà nước.
- Khai thác việc làm, dịch vụ thương mại trong và ngoài ngành Than để tự tổ chức thực hiện hoặc chuyển giao cho Công ty thực hiện nếu quá năng lực lao động, thiết bị và tài chính của Chi nhánh.
- Tổ chức hạch toán sản xuất, hạch toán kinh doanh dịch vụ thương mại, tự cân đối về chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, chi phí tiền lương thu nhập và thực hiện các khoản thu nộp BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý Công ty theo quy định của Quy chế hoạt động Chi nhánh. Trên cơ sở đó đảm bảo cho công tác hoạt động khai thác việc làm, cung ứng dịch vụ thương mai, sản xuất sản phẩm bán ra thị trường bảo đảm có hiệu quả, bảo đảm chất lượng sản phẩm, uy tín của Công ty.
- Thực hiện nghiêm các chế độ kiểm tra, báo cáo theo quy định của Công ty và Tập đoàn TKV.

❖ **Phòng Tổ chức Lao động:** Tham mưu cho Giám đốc các vấn đề sau:

- Tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp, quản lý nguồn nhân lực trong toàn Công ty.
- Xây dựng định mức để trả lương cho lao động trực tiếp, định biên để trả lương cho lao động gián tiếp, phục vụ phụ trợ quản trị quỹ lương trong toàn Công ty.
- Giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động đang làm việc, giải quyết các thủ tục cho người lao động đã đủ điều kiện hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

❖ **Phòng Kế toán tài chính**

Phòng Kế toán tài chính là đơn vị quản lý chuyên môn nghiệp vụ công tác Tài chính của Công ty, tham mưu giúp lãnh đạo Công ty ở các lĩnh vực và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau:

- Thu nhận, xử lý cung cấp thông tin về tình hình của toàn bộ tài sản (cố định và lưu động), sự vận động của đồng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh, trong đầu tư, phát triển sản xuất, trong chăm lo đời sống người lao động, trong thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.
- Công bố giá thanh toán nội bộ

❖ **Phòng BVQS:** Phòng Bảo vệ có chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty trong lĩnh vực sau:

- Tổ chức xây dựng lực lượng Bảo vệ và bảo đảm an ninh trật tự, là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ kinh tế, chính trị nội bộ, trật tự an toàn xã hội trong Công ty và địa bàn.
- Tổ chức xây dựng lực lượng bảo vệ quần chúng.

- Tham mưu cho Giám đốc công ty các vấn đề liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh, chính sách hậu phương quân đội.

❖ **Phòng Kỹ thuật sản xuất**

- Phòng Kỹ thuật sản xuất có chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức, quản lý kỹ thuật sản xuất các sản phẩm, hàng hoá cơ khí.
- Tham mưu các dự án đầu tư để sản xuất phát triển không ngừng đảm bảo tính bền vững trên cơ sở tiến bộ của khoa học công nghệ

❖ **Phòng thiết kế sản phẩm mới**

- Tham mưu trong định hướng lập kế hoạch chiến lược sản phẩm mới đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển cơ khí của ngành và của đất nước.
- Tổ chức, quản lý công tác thiết kế, chế tạo sản phẩm mới, tham gia trực tiếp kế hoạch doanh thu và kế hoạch chiến lược.
- Xây dựng các hợp đồng thiết kế, hợp tác thiết kế với khách hàng.

❖ **Phòng KCS**

Phòng KCS có chức năng kiểm soát sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong bản vẽ của các sản phẩm mà Công ty đăng ký, hợp đồng sản xuất cho khách hàng

❖ **Phòng Vật tư**

- Lập kế hoạch và thu mua vật tư phục vụ cho mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm, tháng, quý trong năm; thiết lập các hợp đồng kinh tế mua vật tư nguyên, nhiên liệu, năng lượng các vật tư khác để Giám đốc ký với khách hàng và tổ chức thực hiện hợp đồng theo quy định.
- Quản lý vật tư kho tàng, nhập xuất vật tư sản xuất theo đúng quy định của Công ty.
- Phối kết hợp với các đơn vị phòng ban, phân xưởng sản xuất trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý và năm của Công ty.

❖ **Phòng Kỹ thuật đúc**

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các công trình công nghệ thuộc lĩnh vực nấu luyện thép, gang, và kim loại màu.
- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các công trình công nghệ thuộc lĩnh vực sản xuất các loại gạch chịu lửa bằng vật liệu samốt.
- Nghiên cứu, ban hành và quản lý định mức vật tư, kỹ thuật cho sản xuất Đúc.

❖ **Phòng thiết kế SPM**

- Tham mưu trong định hướng lập kế hoạch chiến lược sản phẩm mới bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty, phù hợp với Chiến lược phát triển cơ khí của ngành và đất nước.
- Tổ chức, quản lý công tác thiết kế, chế tạo sản phẩm mới, tham gia trực tiếp kế hoạch doanh thu, kế hoạch chiến lược.
- Xây dựng các hợp đồng thiết kế, hợp tác thiết kế với khách hàng.

❖ **Phòng Sản xuất kinh doanh**: Phòng Sản xuất kinh doanh có chức năng tham mưu:

- Lập kế hoạch phát triển sản xuất của Công ty ở tầm chiến lược.

- Lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tháng, quý, năm, lập kế hoạch trung hạn và dài hạn theo định hướng phát triển sản xuất đã được đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Tập đoàn TKV hướng dẫn và quyết định.
- Tham mưu cho Giám đốc giao kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm cho các phân xưởng sản xuất.
- Lập kế hoạch tác nghiệp hàng tuần, tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch tác nghiệp, kế hoạch sản xuất và tiêu thụ tháng, quý, năm.
- Lập giá bán buôn, bán lẻ sản phẩm và Giá giao khoán cho các phân xưởng.

❖ **Phân xưởng Đúc**

- Tổ chức tạo phôi bằng phương pháp đúc thép, đúc gang, đúc kim loại màu mà Công ty giao cho phân xưởng, phấn đấu đảm bảo đủ sản lượng, chất lượng, thực hiện đúng các định mức kinh tế kỹ thuật và bảo đảm an toàn cho con người và thiết bị.
- Tổ chức thực hiện công nghệ ủ, làm sạch, nhiệt luyện (nếu cần) các sản phẩm đúc bảo đảm chất sản lượng sản phẩm đúc ra.
- Nghiên cứu chế tạo hoặc sửa chữa các loại mẫu gỗ phục vụ kịp thời nhu cầu đúc thép, gang, kim loại màu của Công ty.

❖ **Phân xưởng Gia công áp lực**

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch tạo phôi các chi tiết, phụ tùng phôi liệu bằng công nghệ rèn dập bao gồm tất cả các chủng loại mặt bằng từ hàng khai thác (lộ thiên, hầm lò) vận chuyển (ôtô, đường sắt) sàng tuyển, bốc rót than, đất đá phục vụ kế hoạch sửa chữa, chế tạo của Công ty và bán cho các đơn vị khác trong và ngoài Công ty theo kế hoạch sản xuất được giao.
- Rèn dập chế tạo các loại phôi lục lăng, thép tròn, lập là phục vụ theo đơn hàng của các phân xưởng và Công ty.

❖ **Phân xưởng Cơ khí I**

- Chế tạo các chi tiết phụ tùng bằng phương pháp cắt gọt kim loại bao gồm tất cả các chủng loại mặt hàng từ hàng khai thác (lộ thiên, hầm lò) đến hàng vận chuyển (ôtô, dường sắt) sàng tuyển bốc rót, chế biến than, đất đá phục vụ kế hoạch sản xuất sửa chữa thiết bị máy mỏ của Công ty.
- Chế tạo thử các sản phẩm cơ khí mới phục vụ công tác nâng cao chất lượng sửa chữa xe, máy của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị thuộc phân xưởng quản lý. Kiểm tra chặt chẽ thường xuyên việc vận hành bảo dưỡng máy móc thiết bị của phân xưởng được trang bị.
- Không ngừng hoàn thiện tổ chức sản xuất, tổ chức lao động. Áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến để nâng cao nâng xuất lao động.

❖ **Phân xưởng Cơ khí II**

- Tổ chức sản xuất chế tạo các sản phẩm cột chống thuỷ lực, giàn chống thuỷ lực và các sản phẩm cơ khí.

❖ **Phân xưởng Cơ khí III**

- Tổ chức sản xuất các sản phẩm cơ khí bằng phương pháp kết cấu.
- Tổ chức sản xuất phục hồi các sản phẩm cơ khí.

- Tổ chức sản xuất dụng cụ cắt, đồ gá và dụng cụ đo theo đơn hàng của phòng kỹ thuật sản xuất, KCS
- Tổ chức thực hiện công nghệ nhiệt luyện, mạ cho toàn bộ các chi tiết, bán thành phẩm... phục vụ cho sản xuất cho kế hoạch đã được duyệt theo lệnh sản xuất của phòng SXKD.

❖ **Phân xưởng Kết cấu xây lắp I**

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch chế tạo, sửa chữa các chi tiết phụ tùng bằng công nghệ kết cấu kim loại bao gồm tất cả các chủng loại mặt hàng khai thác, vận chuyển đường sắt, ô tô, sàng tuyển bốc rót than, đất đá, chế tạo vì chống lò. Ngoài ra phân xưởng còn làm nhiệm vụ chế tạo các chi tiết phụ tùng phục vụ công trình tiến bộ kỹ thuật theo đơn hàng.

❖ **Phân xưởng Kết cấu Xây lắp II**

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch chế tạo, sửa chữa các chi tiết phụ tùng bằng công nghệ kết cấu kim loại bao gồm tất cả các chủng loại mặt hàng khai thác, vận chuyển, sàng tuyển bốc rót than, đất đá. Ngoài ra phân xưởng còn làm nhiệm vụ tạo phôi cho các phân xưởng của Công ty, chế tạo các chi tiết phụ tùng phục vụ công trình tiến bộ kỹ thuật theo đơn hàng.

❖ **Phân xưởng Máy mỏ I**

- Lắp ráp, bảo hành, sửa chữa trung đại tu các loại xe gạt, xúc thuỷ lực, máy ép hơi, máy đập than, máy lăn đường, các loại máy khai thác than, khoáng sản theo công nghệ khai thác hầm lò và lộ thiên: máy đào lò, máy khấu than, xúc lật hông, máy xúc điện, ..
- Sửa chữa, lắp ráp các cụm chi tiết, các cụm máy, bơm, xy lanh thuỷ lực, bơm ben, bơm lái, ..
- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện lắp ráp, bảo hành, sửa chữa các loại máy, thiết bị mới đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của công nghiệp khai thác than - khoáng sản theo công nghệ khai thác hầm lò.

❖ **Phân xưởng Máy mỏ II**

- Sửa chữa hoặc lắp ráp chế tạo mới (trên cơ sở đã có sẵn chi tiết phụ tùng) hoặc phục hồi các loại máy xúc điện, thuỷ lực, máy khoan xoay cầu, thiết bị sàng tuyển, tham gia lắp dựng thiết bị nâng tải.v.v...
- Sửa chữa phục hồi hoặc lắp ráp các cụm, chi tiết, các bộ phận máy phụ tùng mỏ.

❖ **Phân xưởng Cơ điện**

- Căn cứ vào kế hoạch hàng năm tiến hành các công việc trung tu, tiểu tu, xem xét các máy móc thiết bị cả về phần cơ và phần điện theo đúng các quy trình, quy tắc kỹ thuật, an toàn, các chỉ tiêu và định mức kỹ thuật. Chế tạo toàn bộ các chi tiết thay thế phục vụ cho sửa chữa theo yêu cầu sửa chữa thiết bị
- Tổ chức thường trực sửa chữa đột xuất và đổ dầu trong 3 ca cho tất cả các phân xưởng, bảo đảm cho máy móc thiết bị hoạt động liên tục, an toàn.
- Thực hiện đúng các đơn đặt hàng của các phân xưởng, bảo đảm số lượng, chất lượng, thời gian yêu cầu.

❖ **Phân xưởng Năng lượng**

- Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất Công ty giao cho phân xưởng, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, bảo đảm các định mức kinh tế kỹ thuật, lao động và bảo đảm an toàn cho con người và thiết bị.

- Tổ chức sản xuất, cung cấp ôxy, nitơ cho các khách hàng tại kho bên nhận theo HĐKT của Công ty.
- Tổ chức sản xuất, cung cấp ôxy, nitơ cho các phân xưởng tại kho của các phân xưởng, tại máy sửa chữa trên công trường trong toàn Công ty.
- Tổ chức cung cấp năng lượng: Điện, Hơi, Nước cho các nhu cầu sản xuất của các phân xưởng trong Công ty.
- Tổ chức vận hành trạm nhận điện 35KV/6KV của Công ty.
- Tổ chức vận hành các hệ thống trạm, mạng điện đến các tủ PR của các phân xưởng rong toàn Công ty.
- Tổ chức vận hành các hệ thống trạm, mạng đường ống cấp nước các bể chứa và các bơm nước trong toàn Công ty.
- Tổ chức vận hành các hệ thống máy ép hơi, mạng đường ống cấp hơi ép các bình chứa khí ép trong toàn Công ty.
- Tổ chức sửa chữa phục hồi các máy điện và khí cụ điện của các phân xưởng trong toàn Công ty theo khả năng kỹ thuật và công nghệ của phân xưởng.

❖ **Phân xưởng Vận tải**

- Quản lý, vận hành các loại xe vận tải, nâng tải.
- Thực hiện các nhiệm vụ vận tải, bốc xếp hàng hoá theo kế hoạch sản xuất của Công ty.
- Sửa chữa đột xuất các hư hỏng của xe, tiểu tu và bảo dưỡng cấp 2 các xe cẩu của phân xưởng.

❖ **Phân xưởng Xây lắp**

- Tổ chức thi công các công trình đầu tư xây dựng công nghiệp và dân dụng phục vụ cho sản xuất và phát triển sản xuất của Công ty và phục vụ đời sống CBCNV Công ty.
- Tổ chức sửa chữa thường xuyên vật kiến trúc công trình công nghiệp và các công trình nhà ở tập thể, văn hoá, phúc lợi, chống dột cho các nhà xưởng.

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. *Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty*

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại ngày 15/12/2014

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/ Số ĐKKD	Số cổ phần *(cổ phần)*	Tỷ lệ sở hữu *(%)*
1	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn Hai Bà Trưng Hà Nội	0106000574	1.674.000	40,9
	Người đại diện - Nguyễn Công Hoan	Tổ 40, Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh	100370928	1.674.000	40,9
2	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, TP	174/UBCK-GPDC	300.000	7,4

	Hải Phòng		
Tổng cộng		**1.974.000**	**48,3**

(Nguồn: VMC)

4.2. *Danh sách cổ đông sáng lập*

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần *(cổ phần)*	Tỷ lệ sở hữu *(%)*
1	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn Hai Bà Trưng Hà Nội	1.674.000	40,9
2	Nguyễn Công Hoan	Tổ 40 – Phường Cẩm Phả, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	1.600	0,039
3	Đinh Văn Tấn	Tổ 64 – Phường Cẩm Thúy, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	3.711	0.09

(Nguồn: VMC)

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5700495599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2008. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. *Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/12/2014*

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 15/12/2014

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần sở hữu (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**				
	Tổ chức	4	2.098.120	20.981	51.4%
	Cá nhân	1.062	1.986.880	19.869	48.6%
2	**Cổ đông nước ngoài**				
	Tổ chức	-	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-	-
3	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-	-
	Tổng cộng	**1.066**	**4.085.000**	**40.850**	**100%**

(Nguồn: VMC)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối,

những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. *Công ty mẹ của VMC*

Công ty	Địa chỉ	Sở hữu (Tr đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	16.740	40,9

(Nguồn: VMC)

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

- Giấy đăng ký kinh doanh: 0106000574 cấp ngày 09/02/2006
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh: Công nghiệp than, Công nghiệp khoáng sản – luyện kim, vật liệu nổ công nghiệp, Công nghiệp điện, Công nghiệp cơ khí, công nghiệp hóa chất và vật liệu xây dựng, quản lý khai thác cảng, vận tải, hoa tiêu, kho bãi, xây dựng công trình mỏ, dân dụng, công nghiệp, giao thông và thăm dò khảo sát địa chất, tư vấn kỹ thuật,..

Theo Khoản 1, Điều 67, Nghị định 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về Mối quan hệ giữa TKV với các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của TKV, Công ty con mà TKV giữ cổ phần, vốn góp chi phối là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài do TKV chi phối gồm:

- Các công ty có trên 50% vốn điều lệ là cổ phần hoặc vốn góp của TKV
- Các công ty có dưới 50% vốn điều lệ là cổ phần, vốn góp của TKV nhưng bị TKV chi phối theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Quyền chi phối của TKV là quyền của TKV (với tư cách là Công ty mẹ nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối hoặc hoặc nắm giữ quyền khai thác tài nguyên khoáng sản được Nhà nước cấp phép khai thác, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty con) quyết định đối với Điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của Công ty con theo Điều lệ công ty con hoặc theo thỏa thuận giữa TKV với Công ty con đó.

Do vậy, mặc dù TKV chỉ nắm giữ 40.98% vốn điều lệ của VMC nhưng VMC vẫn là công ty con của Tập đoàn. Theo Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn công nghiệp Than và khoáng sản Việt Nam, TKV sẽ nắm giữ từ 50% đến 65% vốn điều lệ của VMC. Việc nâng tỷ lệ sở hữu của TKV tại VMC đang trong lộ trình thực hiện thông qua các hình thức theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. *Những công ty mà VMC nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối*

Không có

5.3. *Những công ty liên doanh, liên kết*

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. *Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm*

❖ Hoạt động kinh doanh chính

Công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở 02 lĩnh vực sau:

- Sản xuất cơ khí: sửa chữa các loại thiết bị công nghệ của các mỏ lộ thiên, hầm lò, các nhà máy sàng tuyển, thiết bị vận tải; chế tạo một phần phụ tùng hoặc cụm phụ tùng để thay thế và chế tạo một số loại thiết bị phục vụ khai thác, sàng tuyển và vận tải than.

Một số hình ảnh về các sản phẩm chủ lực của Công ty

Cột chống thủy lực

Gầu ngoạm thủy lực

Gàu xúc EKG 10M3

Máy xúc VMC E500-1

Bánh răng có đường kính lớn

Giá chuyển hướng to axe 30 tấn

Toa xe tự lật H302

- Sản xuất và dịch vụ khác: bao gồm xây dựng cơ bản tự làm và vật liệu xây dựng, kinh doanh vật tư thiết bị, sản xuất khí Ôxy và Ni tơ.

❖ Cơ cấu Tổng doanh thu và Doanh thu thuần

Bảng 4: Cơ cấu Tổng doanh thu năm 2013 và 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2013		2014		Tăng trưởng
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	(%)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	858.412	99,6	1.011.626	99,7	17,8
2	Doanh thu tài chính	1.964	0,2	33	0,0	(98,3)
3	Doanh thu khác	1.373	0,2	3.317	0,3	141,6
	Tổng	**861.749**	**100,0**	**1.014.976**	**100,0**	**17.8**

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014)

Doanh thu thuần của Công ty đạt 1.011 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2013. Nguyên nhân tăng mạnh doanh thu thuần là do trong năm 2014, công ty ký kết nhiều hợp đồng lớn như Công ty than Hạ Long, Công ty xây dựng mỏ Hầm lò 2 và Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí và các Hợp đồng nguyên tắc như Công trình Nhà máy tuyển Bauxit Nhân Cơ. Băng tải – máy rót cụm cảng Làng Khánh – Công ty Kho vận Hòn Gai TKV, chuẩn bị triển khai Nhà máy sang tuyển than Vàng Danh 2, các dự án mỏ hầm lò Núi Béo, …

Doanh thu khác năm 2014 đạt 3,3 tỷ đồng, tăng đột biến 141,6% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm 2013 Công ty được miễn giảm khoản thuế đất 1,77 tỷ đồng.

❖ Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo các mảng sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2013 và 2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2013		2014		Tăng trưởng
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	(%)
1	Xây dựng cơ bản tự làm	10.273	1,2	11.735	1,2	14,2
2	Vật liệu xây dựng	9.328	1,0	6.327	0,6	(32,2)
3	Sản xuất cơ khí	756.988	88,2	852.581	84,3	12,6
4	Kinh doanh khác	81.823	9,6	140.983	13,9	72,3
	Tổng	**858.412**	**100,0**	**1.011.626**	**100,0**	**17,8**

(Nguồn: VMC)

Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận gộp năm 2013 và 2014

STT	Chỉ tiêu	2013			2014			Tăng trưởng (%)
		Giá trị	Tỷ trọng/LNG (%)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/LNG (%)	Tỷ trọng/ DTT (%)	
1	Xây dựng cơ bản tự làm	-	-	-	-	-	-	-
2	Vật liệu xây dựng	1.222	1,6	0,0	1.012	1,2	0,1	(17,2)
3	Sản xuất cơ khí	64.598	86,3	7,5	61.923	73,0	6,1	(4,1)
4	Kinh doanh khác	9.002	12,1	1,0	21.813	25,8	2,6	(142,3)
	Tổng	**74.822**	**100,0**	**8,5**	**84.748**	**100,0**	**8,8**	**(13,3)**

(Nguồn: VMC)

Mảng kinh doanh Sản xuất cơ khí với sản phẩm chính là máy móc cơ khí phục vụ khai thác hầm lò năm 2014 vẫn giữ tốc độ tăng trưởng đều và chiếm tỷ trọng ổn định trên 80% trong giá trị Doanh thu thuần của Công ty. Mảng kinh doanh Vật liệu xây dựng với hai sản phẩm chính là ống và tấm chèn ghi nhận doanh thu giảm từ 9,3 tỷ đồng xuống 6,3 tỷ đồng trong năm 2014.Theo chỉ thị tiết kiệm chi phí của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, các mỏ hầm lò gia tăng tự sản xuất và sử dụng lưới sắt để phục vụ ngành than thay cho sản phẩm tấm chèn của Công ty, dẫn đến sự sụt giảm trong doanh thu. Bên cạnh đó sản phẩm ống dẫn nhằm phục vụ hạ tầng cơ sở cho Quảng Ninh cũng ghi nhận giảm doanh thu do tỉnh chưa triển khai dự án mới, không có nhu cầu cho sản phẩm. Mảng kinh doanh khác của VMC tăng đột biến trong năm 2014 từ 81 tỷ đồng lên 141 tỷ đồng do Công ty nhập khẩu một lượng lớn thiết bị, máy khoan, máy xúc phục vụ dự án bôxit nhân cơ nhà sàng tuyển Đăk Nông.

Mặc dù đã ghi nhận doanh thu tăng trong mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất cơ khí nhưng lợi nhuận gộp lại giảm từ 64 tỷ đồng xuống 62 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong năm 2014 Công ty thực hiện điều chỉnh giá giảm bình quân 5% do ảnh hưởng của yếu tố cạnh tranh thị trường nhưng các chi phí nguyên vật liệu cấu thành giá thành tăng và quỹ lương cho tập thể công nhân sản xuất trực tiếp cũng tăng từ 75 tỷ đồng lên 89 tỷ đồng.

Mảng kinh doanh Xây dựng cơ bản tự làm chỉ chiếm tỷ trọng 1,2% trong cơ cấu doanh thu thuần và không có lợi nhuận gộp trong năm 2013 và 2014, nguyên nhân là vì chi phí nguyên vật liệu và nhân công tăng chỉ đủ bù đắp chi phí.

6.2. *Nguyên vật liệu*

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Với các sản phẩm chính chủ yếu là các thiết bị phục vụ khai thác, vận chuyển, sàng tuyển than, khoáng sản. Công ty sử dụng các nguyên vật liệu gồm: Sắt thép chế tạo các loại (kim loại

đen, kim loại màu), phụ tùng cho sửa chữa khai thác mỏ, vật liệu cho sản suất đúc…; các loại vật liệu phụ gồm: Sơn , dầu, que hàn, hóa chất và các phụ gia khác….

Nguồn nguyên vật liệu: Chủ yếu mua của các nhà cung cấp trong nước có uy tín trên thị trường.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Nguồn nguyên liệu của Công ty khá dồi dào, dễ mua và ổn định, chủ yếu là nguyên vật liệu trong nước, giá cả hợp lý (hình thức mua bán: đấu thầu, chào giá cạnh tranh), ưu điểm dùng hàng trong nước chủ động được nguồn hàng, không phải nộp thuế nhập khẩu. Ngoài ra, Công ty cũng có chức năng nhập khẩu vật tư, thiết bị (từ Trung quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn quốc…) khi có thị trường tương ứng.

Công ty lựa chọn các nhà thầu cung cấp trong nước có uy tín chất lượng đảm bảo, với nhãn hiệu hàng việt nam chất lượng cao được thông qua quy trình kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng (theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008).

Bảng 7: Một số nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty

STT	Tên	Sản phẩm
1	Công ty CP XNK than Vinacomin	Thép lò
2	CN Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	Phụ tùng các loại + dầu mỡ
3	CN Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	Phụ tùng xe gạt
4	Công ty CP thiết bị điện Vinacomin	Động cơ các loại
5	Công ty CP Thép Rạng Đông	Thép các loại
6	Công ty CP Sơn hải Phòng	Sơn các loại
7	Công ty CP vật tư Thiết bị hàn Bắc Hà	Que hàn các loại
8	CN Công ty CP TM và tư vấn Tân Cơ tại QN	Bu lông mũ ốc các loại
9	Công ty CP thương mại Việt Mỹ Anh	Xi măng
10	Công ty CP thiết bị chuyên dụng và chuyển giao công nghệ	Phụ tùng xe gạt
11	Công ty CP Đá mài Hải Dương	Đá mài
12	Công ty CP thương mại Bình Minh Cẩm Phả	Vật liệu xây dựng các loại
13	Công ty CP dụng cụ số 1	Dao cụ các loại
14	Công ty CP VIGLACERA Vân Hải	Cát thủy tinh
15	Công ty CP ô tô Hùng Cường Quảng Ninh	Sửa chữa xe ô tô
16	Công ty TNHH Xuân nghiêm	Khí ga
17	Công ty TNHH thương mại và XNK Hưng Hải	Vòng bi các loại

STT	Tên	Sản phẩm
18	Công ty TNHH 1TV cơ khí 17	Que hàn + dây hàn
19	Công ty TNHH Oanh Sơn	Văn phòng phẩm
20	DNTN Trung Anh	Vật liệu đúc

(Nguồn: VMC)

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Sự biến động của giá cả nguyên vật liệu chủ yếu do ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu trên thế giới và của đồng ngoại tệ và do đặc thù sản xuất của Công ty, một số sản phẩm có chu kỳ sản xuất dài (trên 3 tháng), nên nguyên vật liệu chính dự trữ cho sản xuất khá cao (là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến giá cả). Để khắc phục tình trạng này, chính sách hàng tồn kho của Công ty luôn luôn có sự thay đổi phù hợp với đặc điểm sản xuất của mình, trên cơ sở bám sát kế hoạch sản xuất và nhu cầu mặt hàng trên thị trường để đưa công tác quản lý hàng tồn kho hợp lý với phương châm giảm thiểu tối đa vật tư tồn kho bất hợp lý. Nhìn chung trong công tác quản lý hàng tồn kho, Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định quản lý vật tư của Tập đoàn TKV và của Công ty.

Sự biến động của giá cả nguyên vật liệu không làm ảnh hưởng nhiều đến giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do nguồn hàng của Công ty khá phổ biến trong nước và nhiều doanh nghiệp cung cấp, nên Công ty chủ động được nguồn hàng ổn định với gía cả cạnh tranh, phù hợp với tiến độ cung cấp.

Dự kiến trong năm 2015, Dự án "Dây chuyền cán thép hình" được đưa vào khai thác (đây là nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty), nhằm phục vụ cho sản xuất trong Công ty và cung cấp cho các đơn vị trong nghành. Trong tương lai gần Công ty hoàn toàn chủ động được lượng nguyên vật liệu hợp lý. Đến thời điểm 15/3/2015, dự án đã hoàn thiện cơ bản các nội dung công việc như sau: toàn bộ thiết bị đã lắp đặt, chạy thử đơn động không tải, liên động dây chuyền; hệ thống nước, hệ thống khí, hệ thống dầu đã hoàn thiện và chạy thử; lò gia nhiệt đã hoàn thiện đang lập phương án sấy lò và sản xuất thử. Các nội dung theo kế hoạch hoàn thiện vào quý II/2015 là sấy lò, hiệu chỉnh thiết bị và sản xuất thử vào tháng 4/2015. Công ty dự kiến hoàn thành sản xuất thử, chuyển bàn giao đưa vào sử dụng vào quý III/2015.

Bảng 8: Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	2013		2014		Tăng trưởng
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	(%)
Giá vốn hàng bán	783.591	91,3%	926.879	91.9%	18,3
Chi phí bán hàng	2.251	0,2%	12.431	1.2%	452,2
Chi phí QLDN	47.865	5,6%	52.129	5.1%	8,9
Chi phí tài chính	21.136	2,4%	12.184	1.2%	(42,3)
Chi phí khác	758	0,1%	3.917	0.4%	416,7
Tổng cộng	855.601		1.007.540		17,8

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014)

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong tổng doanh thu năm 2013 và 2014 chiếm khoảng 91%, đối với đặc thù sản xuất của cơ khí, đây là tỷ lệ hợp lý trong điều kiện hiện tại của Công ty và của ngành cơ khí nói chung.

Nhìn chung xét trong bối cảnh cạnh tranh hiện tại về giá cả của hàng hóa trong nước và hàng nhập từ nước ngoài nhất là Trung quốc, khi mà ngành cơ khí cả nước gặp khó khăn khi tham gia hội nhập kinh tế, tình trạng thiếu vốn, Thiết bị công nghệ lạc hậu, thiếu cán bộ, công nhân lành nghề…thì việc tăng giá bán sản phẩm để giảm tỷ trọng chi phí trong tổng doanh thu, tăng lợi nhuận là rất khó khăn.

Các biện pháp giảm thiểu chi phí của Công ty cũng góp phần không nhỏ vào kết quả lợi nhuận của Công ty:

- Bên cạnh những biên pháp chủ động ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả HĐSXKD của Công ty. Việc giảm thiểu chi phí được Công ty thực hiện triệt để. Một số biện pháp quản lý :
- Thành lập Ban quản trị chi phí có chức năng, nhiệm vụ: Quản trị mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty bằng hình thức: Tổ chức khoán quản chi phí tới các đơn vị SX, cũng như một số nội dung cho bộ phận gián tiếp (thực hiện từ năm 2012), qua thời gian vào hoạt động đã có kết quả, việc này đã được báo cáo trong chuyên đề quản trị chi hàng năm, góp phần vào kết quả lợi nhuận chung của Công ty
- Thông qua kênh tuyên truyền của các tổ chức chính trị, chương trình tiết kiệm đã khuyến khích CBCNV phát huy tinh thần sáng tạo trong công việc,cải tiến ứng dụng công nghệ sản xuất để giảm thiểu chi phí, tăng năng suất lao động.
- Áp dụng quy trình Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2008
- Triển khai thử nghiệm và đưa vào hoạt động Dự án Dây chuyền cán thép hình nhằm giúp Công ty chủ động trong nguồn cung nguyên vật liệu, giảm bớt cấu thành giá vốn.

Chi phí bán hàng tăng đột biến từ 2 tỷ đồng năm 2013 lên 12 tỷ đồng năm 2014, tăng 452%. Nguyên nhân tăng mạnh chi phí bán hàng năm 2014 là phát sinh chi phí đền bù thiết bị cho Công ty Tuyển than Cửa ông trong thời gian bảo hành nên Công ty trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm cho các sản phẩm đang còn trong thời gian bảo hành.

Chi phí tài chính năm 2014 của công ty bao gồm chi phí lãi vay, chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh và chi phí tài chính khác. Chi phí tài chính khác là khoản tiền lãi trả chậm Công ty phải trả cho Công ty cổ phần XNK Than Vinacomin do chậm tiến độ thanh toán. Nguyên nhân là do Công ty phải dự trữ thép vì lò và phụ kiện (theo kế hoạch được Tập đoàn giao) trong khi chưa cân đối được nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh, nguồn tiền đầu tư cho dự án Nhà máy cán thép vì lò, và nguồn tiền vay tín dụng. Việc cung cấp thép vì lò trong nội bộ Tập đoàn TKV được Tập đoàn quản lý tập trung (từ khâu mua, dự trữ, phân phối đến các đơn vị sử dụng), mỗi năm tổ chức nhập trung bình 3-4 đợt, mỗi đợt 7.000 tấn- 10.000 tấn, thời gian dự trữ bình quân 4 tháng. Do vậy, nhu cầu vốn cho mua, dự trữ thép vì lò và phụ kiện rất lớn (thường là từ 80-100 tỷ đồng). Công ty đã điều chỉnh kế hoạch nhập nguyên vật liệu bám sát so với tình hình kinh doanh, nên không phải dự trữ quá nhiều hàng tồn kho. Do vậy, chi phí lãi trả chậm trong năm 2014 giảm chỉ còn 3,6 tỷ đồng. Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền này trong Quý 1/2015.

Chi phí khác tăng từ 757 triệu lên 3,9 tỷ , trong đó có hơn 3 tỷ là chi đền bù thiết bị cho Công ty Tuyển than Cửa ông trong thời gian bảo hành. Ngoài ra, Trong chi phí khác có tiền truy thu thuế GTGT và TNDN bổ sung năm 2012 và 2013 với giá trị là 178,6 triệu đồng. Công ty đã thanh toán hết cho Chi cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

6.3. *Trình độ công nghệ*

Công ty cổ phần Chế tạo máy Vinacomin là một trong những công ty con trong Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất, cung ứng máy công nghiệp nhờ vào một hạ tầng máy móc thiết bị chuyên dụng mà công ty đã đầu tư trong nhiều năm qua. Từ các thiết bị chuyên dụng dung để gia công chính xác chi tiết như máy tiện CNC, máy cắt CNC cho đến các máy móc lắp ghép phức tạp như trung tâm tiện CCN. Trang thiết bị máy móc được Ban lãnh đạo Công ty đầu tư đồng bộ từ các quốc gia sản xuất tiên tiến như Đài Loan, Hàn quốc với tuổi đời còn mới và được bảo hành, tái đầu tư hằng năm. Nhìn chung, chính nhờ thế mạnh về công nghệ, những năm gần đây Công ty đã trúng thầu một số dự án lớn, phức tạp từ Tập đoàn cũng như hợp tác thành công với các đơn vị trình độ cao của nước ngoài.

Bảng 9: Một số máy móc thiết bị chuyên dụng Công ty đang sử dụng

STT	Chủng loại	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất
1	Máy tiện CNC	Smart8260	Đài Loan	2012
2	Máy khoan cần	TF1700H	Đài Loan	2012
3	Máy cắt CNC	Power3100	Đài Loan	2011
4	Trung tâm phay CNC	Wiaf400VM	Hàn Quốc	2014
5	Trung tâm tiện CCN	Waf160LA	Hàn Quốc	2014

(Nguồn: VMC)

6.4. *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Hiện nay, Công ty cổ phần Chế tạo máy Vinacomin đang duy trì bộ phận nghiên cứu và phát triển, đó là phòng Thiết kế sản phẩm mới. Chức năng chính của phòng là:

- Tham mưu trong định hướng lập kế hoạch chiến lược sản phẩm mới đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển cơ khí của ngành và của đất nước.
- Đề xuất và tham gia lập kế hoạch thiết kế, chế tạo sản phẩm mới theo chương trình kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty.
- Chỉ đạo chế tạo thử các sản phẩm mới nằm trong định hướng phát triển chiến lược của Công ty, sản phẩm mũi nhọn của Công ty và các sản phẩm đặc trưng của cơ khí ngành, cơ khí nặng của Việt Nam. Chỉ đạo chế tạo thử các sản phẩm thuộc chương trình các đề tài nghiên cứu thực nghiệm, chế tạo sản phẩm mới cấp Nhà nước, Bộ, Tập đoàn TKV và Công ty.
- Tham gia đề xuất trong việc xây dựng các hợp đồng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ…. các sản phẩm mới.

6.5. *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

Hiện nay Công ty cổ phần Chế tạo máy Vinacomin thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm phù hợp theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và duy trì bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm là phòng KCS chức năng chính của phòng là chuyên kiểm tra các loại vật tư thiết bị đầu vào, các bước nguồn cung trong quá trình sản xuất, sản phẩm.

- Phòng KCS có nhiệm vụ kiểm soát, bảo đảm sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong bản vẽ của các sản phẩm mà Công ty sản xuất cho khách hàng.
- Lập, trình duyệt, lưu hành các phiếu, giấy nghiệm thu chất lượng sản phẩm nhập kho, xuất xưởng. Xác nhận chất lượng hàng hỏng do phòng vật tư và cá nhân mua về nhập kho Công ty.
- Thực hiện giám sát chất lượng, kiểm tra toàn bộ quy trình sản xuất gia công, phải đảm bảo tất cả các sản phẩm được kiểm tra, thử nghiệm theo đúng quy trình, phương án kiểm tra thử nghiệm theo quy trình kỹ thuật chế tạo, lắp ráp, sửa chữa của Công ty đó ban hành.
- Đảm bảo các dụng cụ đo kiểm, thiết bị thử nghiệm đạt độ chính xác phù hợp với quy trình, phương án kiểm tra và thử nghiệm.
- Phối hợp với các phòng ban kỹ thuật và phòng Vật tư để kiểm tra hồ sơ nhà cung cấp và chất lượng toàn bộ phụ tùng, vật tư mua vào phục vụ cho sản xuất, phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng đó ghi trong hợp đồng.

6.6. *Hoạt động Marketing*

Hình thức quảng bá hình ảnh Công ty hiệu quả nhất chính là việc cung ứng các sản phẩm có chất lượng tốt đem lại niềm tin và sự hài lòng của khách hàng. Công ty đã xây dựng chính sách chất lượng theo đó: "Xây dựng Công ty phát triển bền vững, đẩy mạnh đầu tư phát triển Cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, duy trì hợp lý hóa sản xuất , mở rộng thị trường ngoài ngành than". Hiện nay, Công ty duy trì một bộ phận Marketing là phòng Thị trường với chức năng chính là:

- Trên cơ sở điều tra, khảo sát, nghiên cứu, dự báo nhu cầu hàng hoá, sản phẩm giá cả của thị trường trong và ngoài nước để tham mưu cho Giám đốc công ty trong xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược tiếp cận và giành thị trường.
- Tiếp cận các thông tin về nhu cầu của các chủ dự án, phối hợp với các phòng Kỹ thuật sản xuất, Sản xuất kinh doanh, Đầu tư xây dựng, Tổ chức lao động lập các dự án đấu thầu, nhận thầu chế tạo, xây lắp.
- Triển khai phối hợp với các phòng Kỹ thuật sản xuất, Sản xuất kinh doanh, Đầu tư xây dựng, Tổ chức lao động thực hiện để đưa các công trình dự án trúng thầu vào sản xuất. Đại diện Công ty làm việc với nhà thầu và các bên liên quan theo chức năng của phòng được Giám đốc công ty giao và uỷ quyền: liên hệ, nộp thầu, giải trình, phối hợp giám sát... nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

6.7. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:

- Hiện nay, Công ty đã đăng ký độc quyền nhãn hiệu Công ty theo giấy chứng nhận số 202487 do Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 22/03/2013.

6.8. *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện*

Bảng 10: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Số HĐ	Ngày ký	Tên khách hàng	Nội dung	Tổng giá trị hợp đồng	Tiến độ
1	61	7/4/2015	Công ty CP Than Núi béo Vinacomin	Sửa chữa máy khoan DML	3.850.000.000	50 ngày
2	255	23/3/2015	Công ty Tuyển than cửa ông TKV	Trung đại tu máy bốc RC 3	3.680.123.879	180 ngày
3	1320	13/3/2015	Công ty CP than Cao Sơn Vinacomin	SC máy khoan xoay cầu số 14	2.843.517.327	60 ngày
4	240	6/3/2015	Công ty CP than Vàng danh Vinacomin	Cột chống Thủy lực đơn	10.835.968.000	Theo nhu cầu sử dụng của khách hàng
5	135	27/2/2015	Công ty than Dương Huy TKV	Bộ xà giá thủy lực di động	3.973.200.000	30 ngày
6	243	16/7/2014	Cty Than Hạ Long – TKV	Gói thầu cung cấp giá TL di động và MX VMC E500-1	12.496.895.400	Hoàn thành 30% giá trị hợp đồng
			Tổng cộng		37.679.704.606	

(Nguồn: VMC)

Ngoài ra, Công ty còn ký các hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng và đối tác khác như nhà máy tuyển quặng Bãu xít và tuyển băng tải tỉnh Đắk nông, trong đó phần công việc của Công ty là 310 tỷ đồng, dự án cung cấp máy móc cho Dự án Nhà máy tuyển Vàng Danh 2 với giá trị trên 500 tỷ đồng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. *Kết quả hoạt động kinh doanh*

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty 2013 và 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	583.941	522.646	(10,5)%
Vốn chủ sở hữu	48.160	53.977	3.6%
Doanh thu thuần	858.412	1.011.626	17,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.534	8.036	45.2%
Lợi nhuận khác	615	(601)	
Lợi nhuận trước thuế	6.149	7.435	20,9%
Lợi nhuận sau thuế	4.558	5.732	22,7%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	8%	8%	

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	9,4%	11,22%	19,4%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014)

Tổng tài sản Công ty năm 2014 giảm 10,5% so với năm 2013 do hàng tồn kho cuối năm 2014 giảm 53%, tương đương gần 120 tỷ đồng so với năm 2013. Nguyên nhân là do công ty đã tích trữ một lượng lớn thép vì lò (giá trị 164 tỷ đồng) nhưng đến năm 2014 Công ty thực hiện chỉ thị của Tập đoàn, giảm sản lượng thép lò dự trữ nhằm chia thị phần cho các đơn vị khác trong Tập đoàn như Công ty than Hạ Long.

Tổng tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 đạt 277 tỷ đồng nhỏ hơn tổng nợ ngắn hạn tại 31/12/2014 là 291 tỷ đồng, nên chỉ số thanh toán ngắn hạn chỉ đạt 0,95 lần. Tuy vậy, Công ty luôn duy trì an toàn tài chính bằng việc cân đối các khoản thu chi, cố gắng chi trả toàn bộ tiền hàng cho đối tác (kể cả lãi trả chậm).

Doanh thu thuần năm 2014 tăng 17,8% so với năm 2013 (tăng hơn 153 tỷ đồng) do những nguyên nhân sau:

- Năm 2014, công ty đã ký kết được một hợp đồng lớn, chủ yếu là các gói thầu cung cấp sản xuất cơ khí với các đối tác như Công ty than Hạ Long, Công ty xây dựng mỏ Hầm lò 2 và Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí và các Hợp đồng nguyên tắc như Công trình Nhà máy tuyển Bauxit Nhân Cơ, Băng tải – máy rót cụm cảng Làng Khánh – Công ty Kho vận Hòn Gai TKV, chuẩn bị triển khai Nhà máy sang tuyển than Vàng Danh 2, các dự án mỏ hầm lò Núi Béo, …Riêng mảng sản xuất cơ khí của VMC đã tăng 12,7% tương ứng với gần 100 tỷ đồng.
- Mảng kinh doanh khác của VMC cũng ghi nhận bước tăng đột biến trong năm 2014 từ 81 tỷ đồng lên 141 tỷ đồng do Công ty nhập khẩu một lượng lớn thiết bị, máy khoan, máy xúc phục vụ dự án bôxit nhân cơ nhà sảng tuyển Đăk Nông.

Doanh thu khác năm 2014 có giá trị âm 601 triệu đồng là do chỉ tiêu chi phí khác tăng từ từ 757 triệu lên 3,9 tỷ đồng , trong đó có hơn 3 tỷ đồng là chi đền bù thiết bị cho Công ty Tuyển than Cửa Ông trong thời gian bảo hành.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 2014 tăng 45,2% so với năm 2013, trong khi Doanh thu thuần năm 2014 chỉ tăng 17,8% so với năm 2013. Giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng là 91% so với doanh thu thuần. Tuy nhiên, chi phí tài chính giảm mạnh từ 21 tỷ đồng trong năm 2013 xuống 12 tỷ đồng trong năm 2014, tương đương với mức giảm 42,8%, là do Công ty đã thanh toán phần lớn tiền hàng trong năm nên giảm phát sinh lãi trả chậm và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 có tăng trưởng tốt so với năm 2013.

7.2. *Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014*

Báo cáo tài chính kiểm toán số 463/2015/BC.KTTC-AASC.CNQN của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có vấn đề cần nhấn mạnh: Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Công văn số 1065/TKV-KS ngày 16/03/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền (VNĐ)
1	Kết quả kinh doanh sau thuế		5.731.601.308
2	Tạm phân phối lợi nhuận		5.731.601.308

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền (VNĐ)
3	Chi trả cổ tức	8%	3.268.000.000
4	Trích Quỹ đầu tư phát triển		739.080.392
5	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý		141.000.000
6	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.583.520.916

(Nguồn: VMC)

Việc tạm phân phối lợi nhuận được áp dụng toàn bộ cho các Công ty con và Công ty liên kết của Tập đoàn. Hội đồng quản trị Công ty sẽ căn cứ hướng dẫn này của Tập đoàn để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua. Mọi chênh lệch phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào Báo cáo tài chính năm 2015.

7.3. *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo*

- ***Khó khăn***

- Cơ chế điều hành sản xuất của Tập đoàn chuyển biến rất nhanh theo hướng giảm bớt bao cấp, xã hội hóa đầu tư. Vì vậy, phần lớn việc làm của Công ty có được đều phải thông qua đấu thầu, hoặc chào giá cạnh tranh, kể cả những sản phẩm đặc trưng của Công ty như sửa chữa thiết bị mỏ, cột chống thủy lực.
- Khó khăn nội tại của Công ty cũng rất lớn: phương tiện, thiết bị phần lớn đã già cỗi, lạc hậu, xuống cấp, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu là khó khăn thường trực từ lâu nhưng chưa có điều kiện khắc phục. Nhận thức, tư duy, lề lối làm việc của một số bộ phận người lao động chưa thoát khỏi tư tưởng bao cấp. Tâm lý chọn việc, không yên tâm công tác ở lớp lao động trẻ cộng với sự tác động của chính sách lao động quy định trợ cấp thôi việc, về hưu sớm đã dẫn đến tổn thất không nhỏ về đội ngũ lao động lành nghề và gây thiệt hại về kinh tế do Công ty phải chi thêm khoản trợ cấp chấm dứt hợp đồng lao động lên đến gần 5.626 tỷ đồng năm 2014

- ***Thuận lợi***

Năm 2014, Công ty đã kịp thời nắm bắt tình hình khó khăn và đề ra nhiều giải pháp linh hoạt như thực hiện nhiều phương án tìm kiếm việc làm, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh như:

- Công tác điều hành: Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để ưu tiên thực hiện những sản phẩm thế mạnh của Công ty như sửa chữa thiết bị, chế tạo vỉ chống lò chế tạo giá khung- cột chống thủy lực, chế tạo máy xúc VMC500-1. Không chỉ duy trì các sản phẩm truyền thống, công ty còn tăng cường phát triển thêm các sản phẩm chủ lực mới, trong đó thành công trong việc chiếm lĩnh thị trường, cung cấp 14 máy xúc lật hông VMC-E500-1 cho các mỏ than hầm lò.
- Công ty đã từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lập hồ sơ dự thầu các dự án, nhờ đó đã đảm nhận làm thàu các dự án đầu tư lớn, các gói thầu EPC theo hình thức liên danh. Từ năm 2013, công ty đã ký kết nhiều gói thầu lớn như gói thầu EPC Nhà máy tuyển bauxite Nhân Cơ tổng giá trị 888 tỷ đồng, trong đó giá trị của VMC là 341 tỷ đồng, gói thầu Hệ thống băng tải Kho vận Hòn Gai…
- Công tác thị trường tìm kiếm việc làm: Công ty tăng cường tìm thêm các công việc ngoài ngành Than như chế tạo thiết bị phụ tùng cho Công ty TNHH Cơ khí Phú Minh, Công ty Nhiệt điện Ninh Bình,…

- Tổ chức sản xuất: Công ty áp dụng các phương án điều hành linh hoạt giúp cho tiến độ sản xuất các sản phẩm trọng tâm về cơ bản được đảm bảo, cân đối hài hòa giữa năng lực hiện tại của Công ty với nhu cầu sản xuất kinh doanh.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. *Vị thế của công ty trong ngành*

Hiện nay, số lượng các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chế tạo, phục hồi, sửa chữa các thiết bị phụ tùng cơ khí mà chủ yếu là thiết bị khai thác khoáng sản có quy mô lớn (vươn ra ngoài nước) không có nhiều, theo ước tính chỉ vài chục Công ty hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, số còn lại là những cơ sở nhỏ lẻ.

Công ty CP Chế tạo máy –Vinacomin được đánh giá là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực chế tạo, phục hồi, sửa chữa các thiết bị khai thác khoáng sản, có thị phần cao và sản phẩm đạt chất lượng tốt. Thị phần sản phẩm của Công ty chiếm khoảng 50% trên địa bàn Quảng ninh và 40% trên toàn thị trường của Ngành than.

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có 03 đơn vị sản xuất cơ khí chuyên ngành là Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai – Vinacomin, Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin, và Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin. Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin là đơn vị công nghiệp cơ khí chủ lực của Tập đoàn, chuyên cung cấp các sản phẩm cơ khí phục vụ khai thác mỏ như sửa chữa thiết bị mỏ, cột chống thủy lực, máy xúc, … nên Công ty có nhiều lợi thế khi thực hiện các dự án trong ngành than.

Một số đối thủ cạnh tranh: Công ty Cơ khí Bắc Thái; Công ty CP Thiết bị Điện –TKV; Công ty Cơ khí Hòn Gai – TKV và Công ty CP Công nghiệp ô tô – TKV.

Là một trong những Công ty hàng đầu, trong lĩnh vực chuyên môn của mình, ngoài việc có thể cạnh tranh về mặt giá cả với các sản phẩm của các doanh ngiệp khác, sản phẩm của Công ty còn đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật, khich thước và mẫu mã đồng bộ, cung ứng nhanh, đầy đủ theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn có hệ thống phân phối đa dạng phục vụ đầy đủ các yêu cầu của khách hàng theo từng lô hàng, từng hợp đồng.

Để khẳng định vị thế của mình, từ năm 2013 Công ty đã liên doanh với các nhà thầu khác (Công ty chỉ định làm Trưởng liên doanh), và đã thắng thầu 2 dự án:

- Thi công xây dựng nhà máy tuyển quặng Bauxít nhôm Lâm Đồng, giá trị 613 tỷ đồng, trong đó Phần việc của Công ty 190 tỷ.
- Gói thầu số 23: "nhà máy tuyển quặng Bauxít và tuyển băng tải tỉnh Đắk Nông", (thuộc dự án: Nhà máy sản xuất ALUMIN Nhân cơ- doTập đoàn TKV làm chủ đầu tư) với giá trị 808 tỷ đồng , trong đó phần việc của Công ty CP Chế tạo máy là 310 tỷ đồng.
- Hiện tại Công ty đã được chọn là đối tác cung cấp máy móc của Nhà máy tuyển Vàng Danh 2, với giá trị trên 500 tỷ đồng.

Đây là những minh chứng để khẳng định bước trưởng thành vượt bậc cũng như chiến lược phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh bền vững của Công ty.

8.2. *Triển vọng phát triển của ngành*

Tại Hội nghị tổng kết 10 năm hoạt động của Ngành cơ khí toàn quốc tổ chức tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận: "Cơ khí là ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa Đất nước. Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến Ngành cơ khí, đặc biệt là ngành cơ khí Chế tạo. Những thành công của ngành cơ khí 10 năm qua có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực lớn của các Doanh nghiệp trong và ngoài nước". Thủ tướng yêu cầu Bộ Công thương phối hợp với các Bộ ngành xây

dựng và hoàn thiện dự thảo "Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt nam đến 2025, tầm nhìn 2035". Đây là một tín hiệu đáng mừng đối với một ngành được coi là ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội Đất nước.

Theo Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam – TKV, trữ lượng than tại Việt Nam rất lớn: riêng ở Quảng Ninh khoảng 10.5 tỷ tấn, trong đó đã tìm kiếm thăm dò 3.5 tỷ tấn (chiếm khoảng 67% trữ lượng than đang khai thác trên cả nước hiện nay), chủ yếu là than antraxit; Khu vực đồng bằng sông Hồng được dự báo có khoảng 210 tỷ tấn, chủ yếu là than Asbitum, các mỏ than ở các tỉnh khác khoảng 400 triệu tấn; Riêng trữ lượng than bùn là khoảng 7 tỉ m3 và được phân bố ở cả 3 miền. Cũng theo Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, thời gian còn lại để khai thác than là gần 240 năm.

Cùng với sự phát triển chung của Tập Đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, là Công ty con của Tập đoàn, Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin đã định hướng rõ nhiệm vụ quan trọng của mình trong tình hình mới: Tập trung vào khâu chế tạo các loại phụ tùng, thiết bị đáp ứng tiêu dùng trong ngành, thay thế dần hàng nhập khẩu, tiến tới có nhiều sản phẩm mang thương hiệu riêng để xuất khẩu ra nước ngoài. Thực hiện tốt chương trình nội địa hóa sản phẩm (người Việt Nam dùng hàng Việt Nam)

8.3. *So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành*

Hiện tại Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) có ba công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất cơ khí là Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai – Vinacomin, Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin, và Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin. Do Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai – Vinacomin và Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin chưa niêm yết nên chúng tôi không có cơ sở dữ liệu để so sánh. Do sản phẩm chủ yếu của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin là máy móc, dây chuyền, thiết bị phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nên thị phần và hoạt động kinh doanh của công ty là tương đối đặc thù. Rủi ro về cạnh tranh trong thị phần là tương đối thấp. Vì vậy, chúng tôi sử dụng số liệu tài chính của một số doanh nghiệp khác đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, có lĩnh vực kinh doanh là sản xuất cơ khí - máy công nghiệp và quy mô vốn điều lệ gần tương tự với Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin - CTT để so sánh, đó là: Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương - CTB, Công ty cổ phần Lilama 69-1 - L61, Công ty cổ phần Cơ khí Xăng dầu - PMS.

Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu chính các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc bin nước và các sản phẩm cơ khí. Đối tượng khách hang chủ yếu là các dự án tưới tiêu trong nước, các công trình thủy nông, hợp tác nông nghiệp, các hộ gia đình, công trình công nghiệp, cấp thoát nước phục vụ dân sinh, các bơm có kỹ thuật cao dung trong khai thác mỏ, thủy nhiệt điện, khai thác dầu khi và công nghiệp hóa chất. Công ty cổ phần Lilama 69-1 hoạt động sản xuất chính là gia công chế tạo thiệt bị đồng bộ cho các nhà máy Xi măng, Điện, Dầu khí; chế tạo và lắp đặt các Hệ thống đường ống hạ áp, trung áp và cao áp. Công ty cổ phần Cơ khí xăng dầu đăng ký hoạt động kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực chính sản xuất kinh doanh cơ khí bao bì, các loại vật tư thiết bị xăng dầu, xây dựng công nghiệp.

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên được so sánh với Công ty CP Chế tạo máy – Vinacomin theo bảng dưới đây:

Bảng 12: So sánh các công ty cùng ngành

Chỉ tiêu	Đơn vị	Chế tạo bơm Hải Dương (CTB)	Lilama 69-1 (L61)	Cơ khí xăng dầu (PMS)	Chế tạo máy Vinacomin (CTT)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	227.168	829.202	871.430	1.011.626
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.415	16.379	9.383	5.732
Vốn điều lệ	Triệu đồng	27.587	70.150	72.276	40.850
EPS	Đồng	3.413	2.335	1.180	1.403
Địa bàn		Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của các Công ty)

8.4. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành. chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty hướng tới đối tượng khách hàng là các đơn vị thuộc Tập đoàn TKV, các công ty điện lực, các dự án đầu tư công nghiệp, dân dụng và hạ tầng giao thông… liên doanh cùng các nhà cơ khí, các viện khoa học để đấu thầu những dự án lớn. Theo chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2016-2020, định hướng của Công ty là mở rộng sản xuất trên cơ sở đầu tư chiều sâu về con người, về trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm và thay thế hàng nhập khẩu. Đây là hướng đi phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước, yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. *Số lượng người lao động trong Công ty*

Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động của Công ty là 1.050 người. Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

Bảng 13: Cơ cấu lao động Công ty tại 31/12/2014

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
Phân theo giới tính	
- Nam	794
- Nữ	256
Phân theo trình độ học vấn	
- Trình độ đại học trở lên	190
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	17
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	30
- Lao động phổ thong	813

Phân theo phân công lao động	
- Trực tiếp	782
- Gián tiếp	268

(Nguồn: VMC)

9.2. *Chính sách với người lao động*

❖ **Chế độ làm việc**

Các CBCNV của Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin được quy định làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, và phải đến trước giờ làm việc ít nhất 10 phút để chuẩn bị sản xuất, làm việc. Đối với lao động trực tiếp làm việc theo chế độ 3 ca khép kín:

- Ca 1: 6h30 đến 15h00
- Ca 2: 15h00 đến 23h30
- Ca 3: 23h30 đến 6h30 sáng hôm sau.

Đối với CBCNV thuộc diện lao động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ ở văn phòng làm việc theo giờ hành chính:

- Sáng: 7h30 đến 12h00
- Chiều: 13h đến 16h30.

CBCNV có thể làm thêm giờ nhưng không quá 4 giờ/ngày, 200 giờ/năm. CBCNV được nghỉ việc và hưởng lương theo cấp bậc trong những ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước như tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng, ngày Quốc tế lao động, ngày Quốc khánh, Ngày truyền thống công nhân Mỏ. Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty ổn định và phát triển bền vững, Công ty đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới. Thông qua việc tuyển dụng bổ sung và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ hàng năm và hàng kỳ, Công ty sắp xếp bố trí lao động làm việc ở các đơn vị hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động phát huy được năng lực, trí tuệ của mình trong công tác, trong học tập, nghiên cứu, quản lý để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

❖ **Chính sách đào tạo**

Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng. Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% nhân viên trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty cũng cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, Tài chính Kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ môi trường, an toàn lao động, thăm quan học tập ở nước ngoài. Đối với các lao động trực tiếp, Công ty đào tạo nâng cao kiến thức lý thuyết và tay nghề và tổ chức dự thi nâng bậc lương hàng năm.

Tổng mức kinh phí cho công tác đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV lao động Công ty hàng năm đạt xấp xỉ 1 tỷ đồng/năm.

❖ **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Chính sách lương

Đối với các CBCNV làm việc trực tiếp sản xuất được hưởng tiền lương theo khoán sản phẩm, khoán công việc, theo đơn giá định mức lao động của Công ty hàng năm và từng thời điểm. Đối với các CBCNV làm việc gián tiếp hưởng theo lương thời gian ngày công làm việc thực tế trong tháng và theo năng suất lao động bình quân hàng tháng của toàn Công ty, ứng với hệ số phân phối được hưởng theo các chức danh quản lý, làm việc tại Quy chế Quản lý lao động tiền lương và phân phối thu nhập, phân loại lao động hàng tháng để thực hiện.

Chính sách thưởng

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm động viên và thu hút lao động có kiến thức phù hợp đã được đào tạo vào làm việc tại Công ty. Công ty áp dụng chính sách thưởng cho CBCNV bằng quỹ tiền lương khuyến khích của Công ty theo bình xét thi đua đơn vị, cá nhân hàng tháng. Ngoài ra Công ty còn thưởng cho CBCNV lao động có các đề tài khoa học, sáng kiến tiết kiệm mang lại giá trị làm lợi kinh tế cho Công ty, thông qua việc xét các đề tài đã được đăng ký và áp dụng thực hiện hàng năm như đã quy định. Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ tiền lương k huyến khích, quỹ khen thưởng để thưởng cho CBCNV vào các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày 01/5, ngày 02/9….

Bảng 14: Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Tổng chi phí lương và thưởng cả năm	75.499	89.095
Số lượng lao động bình quân trong kỳ	1.130	1.062
Thu nhập bình quân mỗi tháng	5.568	6.991

❖ **Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên:**

Công đoàn và đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả và đã tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công đoàn thường xuyên có các hoạt động thăm hỏi, quà mừng lễ tết thiếu nhi, tổ chức các hội thi thể thao cho CBCNV. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên, tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 8%/ năm.

Bảng 15: Tình hình trả cổ tức 3 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	Hình thức
2012	9%	Tiền mặt
2013	8%	Tiền mặt
2014	8%	Tiền mặt

(Nguồn: VMC)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. *Trích khấu hao TSCĐ*

Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25/04/2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của Công ty như sau:

Bảng 16: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải	06-12
Thiết bị văn phòng	03-10
Chứng chỉ ISO 9001	03

11.2. *Mức lương bình quân*

Thu nhập bình quân mỗi nhân viên năm 2014 khoảng 6.991.000 đồng/tháng/người. Đây được xem là mức lương bình quân khá cao so với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn.

11.3. *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian quaCác khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 17: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.300	2.867
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	526	860
5	Thuế thu nhập cá nhân	24	-

6	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
7	Thuế khác	-	47
	Tổng cộng	**2.851**	**3.774**

(*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014*)

11.4. *Trích lập các quỹ theo luật định*

Hàng năm căn cứ vào báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán, HĐQT đề xuất tỷ lệ mức trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phúc lợi khen thưởng trước Đại hội cổ đông thường niên theo đúng luật định và điều lệ Công ty. Tính đến ngày 31/12/2014, tình hình trích lập của Công ty như sau:

Bảng 18: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Quỹ Đầu tư phát triển	1.765	2.504
2	Quỹ Dự phòng tài chính	793	793
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.088	3.077
4	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	60	-
5	Nguồn kinh phí	(3)	(3)

(*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014*)

Nguồn kinh phí năm 2014 là âm 3 triệu đồng là khoản tiền Công ty ứng trước thực hiện các chi phí đề tài khoa học. Khi đề tài khoa học thực hiện xong và được quyết toán, Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam sẽ chuyển trả.

11.5. *Tổng dư nợ vay*

Bảng 19: Chi tiết số dư các khoản vay

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
I	**Vay và nợ ngắn hạn**	**10.425**	**45.901**
1	**Vay tổ chức tín dụng**	**-**	**45.541**
	- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả	-	24.657
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh	-	14.092
	- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Quảng Ninh	-	6.792
2	**Vay cá nhân và tổ chức khác**	**10.425**	**360**
	- Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	10.000	

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
	- Vay cá nhân	425	
	- Vay CBCNV Công ty	-	360
II	**Vay và nợ dài hạn**	**139.341**	**178.062**
1	**Vay ngân hàng**	**16.957**	**94.732**
	- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả	14.972	9.997
	- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Quảng Ninh	-	75.724
	- Ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Quảng Ninh	1.985	710
	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	-	8.300
2	**Vay đối tượng khác**	**122.385**	**83.330**
	- Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	-	-
	- Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	122.385	83.300

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014)

Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện hướng dẫn lập Báo cáo quyết toán của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, theo đó các khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2015 là **56.638.030.512 đồng**, Công ty không thực hiện phân loại sang chỉ tiêu Vay và nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC cũng không đưa vấn đề cần nhấn mạnh này tại Báo cáo kiểm toán, nhưng đã thuyết minh số dư nợ vay dài hạn đến hạn trả năm 2015 tại Thuyết minh số 19 về Vay và nợ dài hạn. Tại Báo cáo tài chính kiểm toán 2014, Tổng dư nợ vay (ngắn hạn và dài hạn), tổng chi phí kinh doanh và lợi nhuận của Công ty không thay đổi. Công ty cũng đã lập Bảng Tình hình dư nợ vay và Kế hoạch trả nợ để theo dõi lịch trả nợ của từng khoản vay, khế ước, đảm bảo việc thanh toán gốc và lãi đúng hạn theo đúng quy định của Tập đoàn. Tính đến hết Quý 1/2015, Công ty đã trả được 11,165 tỷ đồng.

Bảng 20: Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2014	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay
01	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả	24.657	12 tháng	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
02	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Quảng Ninh	6.792	12 tháng	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2014	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay
03	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh	14.092	31/05/2015	Thả nổi	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
04	CBCNV Công ty	360	-	5%	-
	Tổng cộng	**45.901**			

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014)

Bảng 21: Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2014	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay
01	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cẩm Phả	9.997	33 tháng, 36 tháng, 57 tháng, 60 tháng,	Thả nổi	- Đầu tư thiết bị duy trì phát triển sản xuất 2009 – 2010; - Phục hồi tài sản cố định năm 2011;2012; 2013; - Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất và nâng cao chất lượng chế tạo máy kết cấu thép; - Đầu tư thiết bi duy trì và phát triển sản xuất năm 2010 – 2011; - Cải tạo hệ thống phân phối điện 6 KV;
02	Ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Quảng Ninh	710	60 tháng	Thả nổi	- Cải tạo xưởng N01;
03	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	8.300	60 tháng	Thả nổi	- Cải tạo sân đường công nghiệp; - Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2010 – 2011;
04	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Quảng Ninh	75.724	60 tháng	Thả nổi	-DA cán thép vì chống lò -Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2012 – 2013;
05	Tập đoàn Công	83.330	42 tháng;	Thả nổi;	- Dự án đầu tư dây chuyền

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2014	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay
	nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam		60 tháng; 84 tháng; 108 tháng; 144 tháng;	Libor 6 tháng + 1%/năm	cán thép vì lò; - Đầu tư duy trì và phát triển sản xuất 2010 – 2011; - Xưởng sửa chữa tập trung máy gạt và máy xúc thủy lực; - Chế tạo phục hồi cột chống thủy lực, xà KL và các sản phẩm thủy lực khác; - Nhà ở tập thể công nhân;

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014)

11.6. *Tình hình hàng tồn kho*

Bảng 22: Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Nguyên liệu, vật liệu	164.587	62.698
2	Công cụ, dụng cụ	798	929
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.817	19.784
4	Thành phẩm	28.217	18.604
5	Hàng hóa	744	1.878
	Tổng	**221.164**	**103.895**

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014)

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2013 có giá trị lớn do Công ty phải dự trữ lượng lớn Phôi thép vì lò do việc đặt hàng của các công ty than trong Tập đoàn bị chậm so với kế hoạch. Sang năm 2014, Công ty đã điều chỉnh kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu, sản xuất cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh nên hàng tồn kho cuối năm 2014 đã giảm xuống chỉ còn 102 tỷ đồng (trong đó, giá trị của nguyên vật liệu đã giảm từ 164 tỷ xuống chỉ còn 62 tỷ đồng). Danh mục Hàng tồn kho của Công ty bao gồm phôi thép chủ yếu là mới nhập trong năm 2014 nên vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả so với thị trường. Do vậy, công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

11.7. *Tình hình công nợ hiện nay*

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 23: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Phải thu khách hàng (*)	123.632	171.350
2	Trả trước cho người bán	6.322	5.027
3	Các khoản phải thu khác	2.638	612
4	Dự phòng phải thu khó đòi (**)	(10.694)	(11.702)
	Tổng	**121.898**	**165.286**

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014)

(*) Chi tiết phải thu khách hàng – số dư phải thu một số khách hàng lớn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên	Số dư tại ngày 31/12/2014	Tiến độ thanh toán
1	Công ty CP Than Cao sơn – Vinacomin	7.530	Đã thanh toán
2	Công ty Than Thống nhất – TKV	13.062	Đã thanh toán
3	Công ty Than Dương huy – TKV	3.948	Đã thanh toán
4	Công ty XD mỏ Hầm lò 1 – Vinacomin (*)	29.238	Chưa thanh toán
5	Cty TNHH 1TV Than Hạ Long – Vinacomin	8.276	Đã thanh toán
6	Công ty tuyển than Cửa ông - Vinacomin	6.399	Đã thanh toán
7	Nhiệt điện Sơn động-SFECO	8.646	Đã trích lập dự phòng
	Tổng	**77.099**	

(Nguồn: VMC)

(*) Khoản phải thu của Công ty XD Hầm Lò 1 – Vinacomin chưa được thanh toán đến hết Quý 1/2015. Tuy nhiên, Công ty đã có trao đổi với với Công ty Mỏ Hầm lò 1 về tiến độ thanh toán và Công ty mỏ Hầm Lò 1 cam kết sẽ trả trong Quý 2/2015.

Các khoản phải thu khác đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo điều khoản ghi trong hợp đồng.

(**) Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Bảng 24: Tình hình trích lập phải thu khó đòi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên khách hàng	Số trích lập tại ngày 31/12/2014
1	Công ty xây lắp điện Nam Hà	88
2	Công ty CP Cơ khí XD Đại Mỗ	1.206
3	Công ty XD số 18- LICOGI	685
4	Nhiệt điên Sơn Động – SFECO	8.646
5	Công ty CP Phát triển đầu tư Hà Nội	247

(Nguồn: VMC)

Ba trong số năm khách hàng trích lập dự phòng là Công ty CP Cơ khí XD Đại Mỗ, Công ty XD số 18- LICOGI, Nhiệt điên Sơn Động – SFECO với tổng số tiền 10,3 tỷ đồng là liên quan đến Nhà thầu Trung Quốc thi công dự án Nhiệt điện Sơn Động do TKV làm chủ đầu tư. Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động đã hòa lưới điện quốc gia nhưng Nhà thầu Trung Quốc chây ì chưa thanh toán cho Công ty. Việc thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn do Nhà thầu Trung Quốc đã rút về nước. Công ty đã nhiều lần làm văn bản trình Tập đoàn và Tổng công ty điện TKV đề nghị hỗ trợ giúp đỡ thu hồi công nợ. Tuy nhiên, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
1	Phải trả người bán (*)	258.486	188.993
2	Người mua trả tiền trước	80.491	549
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.851	3.774
4	Phải trả người lao động	20.756	25.028
5	Chi phí phải trả	13.542	3.007
6	Phải trả nội bộ	4.839	1.339
7	Phải trả khác	2.901	9.011
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	9.925

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014)

(*) Chi tiết phải trả khách hàng – số dư phải trả một số khách hàng lớn

STT	Tên	Số dư tại ngày 31/12/2014	Thời hạn thanh toán	Tiến độ thanh toán
1	Công ty CP Gang thép Thái nguyên	67.864	30 ngày	Đã thanh toán
2	Công ty CP XNK than Vinacomin	43.116	Phụ thuộc vào việc thanh toán của các đơn vị khai thác than hầm lò	Đã thanh toán

(Nguồn: VMC)

Các khoản phải trả của Công ty đều đã được trả đúng hạn và đầy đủ theo đúng tiến độ trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty được gia hạn với khoản tiền lãi trả chậm của Công ty XNK Than Vinacomin sang năm 2015:

Bảng 26: Các khoản nợ quá hạn đã được gia hạn

STT	Danh sách nợ	Giá trị	Thời hạn thanh toán	Thời hạn gia hạn
1	Công ty CP XNK Than Vinacomin	14.875.894.913	Trong năm 2015	12 tháng

(Nguồn : VMC)

Tuy nhiên, tính đến 31/03/2015 Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản nợ (bao gồm tiền hàng và tiền lãi) đã được thanh toán đầy đủ. Công ty hiện nay không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

11.8. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.88	0.95
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.32	0.59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.92	0.89
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	11.13	8.68
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4.42	5.70
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1.63	1.83
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.53	0.56

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	9.41	11.22
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0.86	1.04
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.64	0.79

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2013 và 2014)

12. Hội đồng quản trị. Ban giám đốc. Ban kiểm soát. Kế toán trưởng

12.1. *Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị	
Nguyễn Công Hoan	Chủ tịch HĐQT
Lê Viết Sự	Ủy viên
Bùi Xuân Hạnh	Ủy viên
Đinh Văn Tấn	Ủy viên
Nguyễn Văn Thể	Ủy viên

❖ **Nguyễn Công Hoan – Chủ tịch HĐQT**

1. Họ và tên: NGUYỄN CÔNG HOAN
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 05/07/1955
4. Nơi sinh: Hồng Thái – Kiến Xương – Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Phường Cẩm Sơn – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
7. Số CMTND: 100370928 Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 11/3/2005
8. ĐT liên lạc: Nhà riêng: 0333 862 861
   Di động: 0913 261 297
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ
10. Quá trình công tác

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
9/1979 - 8/1982	Cán bộ Cơ điện – Mỏ Than Cao Sơn
8/1982 – 3/1983	Đốc công – Mỏ Than Cao Sơn
4/1983 – 8/1994	Phó phòng Cơ điện – Mỏ than Cao Sơn

9/1994 – 12/2001	Trưởng phòng Cơ điện – Công ty Than Cao Sơn
01/2002 – 03/2007	Phó Giám đốc Công ty – Công ty Than Cao Sơn
04/2007 – 3/2010	Giám đốc Công ty – Công ty CP Chế tạo máy TKV
4/2010 - nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty – Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc – Bí thư Đảng ủy Công ty.
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	1.600 cổ phần - Tỷ lệ 0,039%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (tại ngày 15/12/2014)	1.674.000 cổ phần (Tập đoàn KTV) – Tỷ lệ 41%
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

❖ **Lê Viết Sự - Ủy viên HĐQT**

1.	Họ và tên	LÊ VIẾT SỰ
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	30/03/1967
4.	Nơi sinh	Văn Khê - Mê Linh - Hà Nội
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Tổ 3 – Khu Hai Giếng I – Phường Cẩm Thủy- Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
7.	Số CMTND	100735942 ; Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 09/3/1998
8.	ĐT liên lạc	Nhà riêng: 0333 0712 643 Di động: 0902 103 320

9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí	
10.	Quá trình công tác	Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
		6/1992 - 10/1997	Kỹ thuật viên PX Gò Hàn – Nhà máy CKTT Cẩm Phả
		11/1997 – 4/2001	Đốc công phân xưởng Gò Hàn – Công ty CKTT Cẩm Phả
		5/2001 – 9/2002	Phó Quản đốc PX Gò Hàn – Công ty CKTT Cẩm Phả
		10/2002 – 5/ 2008	Quản đốc PX KCXL 2 – Công ty TNHH MTV chế tạo máy TKV
		6/2008 – 2/2010	Trưởng phòng KTSX – Công ty CP Chế tạo máy TKV
		3/2010 - nay	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty – Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin
11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty	
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	11.092 cổ phần – Tỷ lệ 0,27%	
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện	Không	

15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Họ tên	Mối quan hệ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
		Dương Thị Thanh Thủy	Vợ	1.267	0,03%

16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện	Không
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

❖ **Bùi Xuân Hạnh - Ủy viên HĐQT**

1.	Họ và tên	BÙI XUÂN HẠNH
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	01/06/1964
4.	Nơi sinh	Đức Thọ - Hà Tĩnh
5.	Quốc tịch	Việt Nam

6.	Địa chỉ thường trú	Số 20B2 – Tổ 16 – Phúc Đồng – Long Biên – Hà Nội
7.	Số CMTND	013585303 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội; Ngày cấp: 13/9/2012
8.	ĐT liên lạc	Di động: 0913 379 637
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
10.	Quá trình công tác	

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
12/1986 – 11/1996	Cán bộ Phòng Kế hoạch, phòng SXKD – Nhà máy CKTT Cẩm Phả
12/1996 – 4/2001	Phó phòng SXKD – Công ty CKTT Cẩm Phả
5/2001 – 6/2004	Trưởng phòng Thị trường, Trưởng phòng SXKD – Công ty CKTT Cẩm Phả
7/2004 – 3/2008	Phó Giám đốc Công ty – Công ty TNHH MTV Chế tạo máy TKV
4/2008 - nay	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty – Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
13.	Sổ cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	12.267 cổ phần – Tỷ lệ: 0,3%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện	Không
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	

Họ tên	Mối quan hệ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
Mạc Thị Nhung	Vợ	25.148	0,62%
Bùi Quốc Dũng	Con	20.858	0,51%

16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Không
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

❖ **Đinh Văn Tấn - Ủy viên HĐQT**

1.	Họ và tên	ĐINH VĂN TẤN

2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	26/6/1957
4.	Nơi sinh	Nhật Tựu – Kim Bảng – Hà Nam
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Khu Tân Lập 5 - Phường Cẩm Thủy – Thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh
7.	Số CMTND	100931316 Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 11/11/2003
8.	ĐT liên lạc	Nhà riêng: 0333 862 662 Di động: 0913 030 468
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
10.	Quá trình công tác	

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
1/1980 – 8/1990	Kỹ sư phòng Cơ năng, phòng KT Ban QLCT – Nhà máy CKTT Cẩm Phả
9/1990 – 10/1995	Phó phòng KHKT, phó phòng XDCB – Công ty CKTT Cẩm Phả
11/1995 – 5/2002	Quản đốc PX Năng lượng – Công ty CKTT Cẩm Phả
6/2002 – 2/2004	Trưởng phòng Vật tư – Công ty TNHH MTV Chế tạo máy TKV
3/2004 - 2010	Chủ tịch Công đoàn Công ty – Công ty TNHH MTV Chế tạo máy KTV
5/2007 - nay	Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Công ty – Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Công ty
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	3.711 cổ phần – Tỷ lệ: 0,09%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày	61.275 cổ phần (Công đoàn Công ty) ; Tỷ lệ 1,5%

15/12/2014)

15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Công đoàn Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

❖ **Nguyễn Văn Thế - Ủy viên HĐQT**

1.	Họ và tên	NGUYỄN VĂN THẾ
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	13/3/1958
4.	Nơi sinh	Thượng Hiền – Kiến Xương – Thái Bình
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Khu Tân Lập 6, P Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh
7.	Số CMTND	100008607 Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 18/11/2004
8.	ĐT liên lạc	Di động: 0913 267 712
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
10.	Quá trình công tác	

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
5/1975 – 3/1988	Công nhân – Nhà máy CKTT Cẩm Phả
4/1988 – 12/1996	Nhân viên Kỹ thuật – Nhà máy CKTT Cẩm Phả
01/1997 – 3/1997	Phó Quản đốc Phân xưởng – Công ty CKTT Cẩm Phả
4/1997 – 5/2004	Quản đốc Phân xưởng - Công ty CKTT Cẩm Phả
6/2004 – 3/2009	Trưởng phòng SXKD – Công ty CP Chế tạo máy TKV
4/2009 - nay	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng SXKD – Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng SXKD
12.	Chức vụ đang nắm	Không

	giữ ở tổ chức khác	
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	2.028 cổ phần – Tỷ lệ: 0,05%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày 15/12/2014)	Không
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	

Họ tên	Mối quan hệ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Hảo	Vợ	1.521	0,037%
Nguyễn Thị Dung	Em	951	0,035%
Nguyễn Văn Dũng	Em	1.457	0,023%

16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

12.2. *Ban giám đốc*

Ban giám đốc	
Nguyễn Công Hoan	Giám đốc
Lê Viết Sự	Phó Giám đốc
Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc
Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc

- **Nguyễn Công Hoan – Giám đốc**

  Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục 12.1 phần của Hội đồng quản trị

- **Lê Viết Sự - Phó Giám đốc**

  Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục 12.1 phần của Hội đồng quản trị

- **Bùi Xuân Hạnh – Phó Giám đốc**

  Sơ yếu lý lịch được trình bày tại mục 12.1 phần của Hội đồng quản trị

- **Tăng Bá Khang – Phó Giám đốc**

1.	Họ và tên	TĂNG BÁ KHANG
2.	Giới tính	Nam

3.	Ngày tháng năm sinh	01/04/1970
4.	Nơi sinh	Thanh Lang – Thanh Hà – Hải Dương
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Phường Cẩm Sơn – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
7.	Số CMTND	101010558 Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: /8/2010
8.	ĐT liên lạc	Nhà riêng: 0333 728 610 Di động: 0904 635 346
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
10.	Quá trình công tác	

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
12/1994 – 3/1997	Công nhân – Công ty Than Cao Sơn
4/1997 – 1/2006	Cán bộ kỹ thuật phòng Cơ điện – Công ty Than Cao Sơn
2/2006 – 7/2006	Cán bộ kỹ thuật phòng ĐTXD – Công ty Than Cao Sơn
8/2006 – 8/2009	Phó phòng ĐTXD – Công ty Than Cao Sơn
9/2009 – 1/2010	Trợ lý Giám đốc – Công ty CP Chế tạo máy KTV
2/2010 - nay	Phó Giám đốc Công ty - Công ty CP Chế tạo máy Vinacomin

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Phó Giám đốc Công ty
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	8.619 cổ phần – Tỷ lệ: 0,21%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày 15/12/2014)	Không
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

12.3. *Kế toán trưởng*

1.	Họ và tên	PHẠM THU HƯƠNG
2.	Giới tính	Nữ
3.	Ngày tháng năm sinh	06/06/1970
4.	Nơi sinh	Cẩm Phả - Quảng Ninh
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Tổ 1, khu Tân Lập 5, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh
7.	Số CMTND	100644630 Nơi cấp: CA Quảng Ninh Ngày cấp: 26/8/2010
8.	ĐT liên lạc	0979 867199
9.	Trình độ chuyên môn	Đại học
10.	Quá trình công tác	

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
10/1990 - 3/1998	Nhân viên - Cửa hàng Giới thiệu sản phẩm - Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm phả
4/1998 - 6/1/2010	Nhân viên - Phòng Kế toán - Công ty CP Chế tạo máy TKV
7/1/2010 - 2/2010	Phó phòng - Phòng Kế toán - Công ty CP Chế tạo máy TKV
3/2010 - 10/2010	Q.Trưởng phòng - Phòng Kế toán - Công ty CP Chế tạo máy TKV
11/2010 – 5/2013	Trưởng phòng - Phòng Kế toán - Công ty CP Chế tạo máy TKV
6/2013 - nay	Kế toán trưởng - Phòng Kế toán - Công ty CP Chế tạo máy TKV

11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Kế toán trưởng
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	19.647 Cổ phần Tỷ lệ: 0,48%
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày 15/12/2014)	0 cổ phần
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	

Họ tên	Mối quan hệ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ
Phạm Hải Hà	Em gái	380	0,009%

16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Không có
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không có
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không có
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không có

12.4. *Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát	
Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban
Nguyễn Chí Sinh	Ủy viên
Chu Thị Việt Trung	Ủy viên

❖ **Hoàng Mạnh Hùng – Trưởng Ban kiểm soát**

1.	Họ và tên	HOÀNG MẠNH HÙNG
2.	Giới tính	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh	29/6/1965
4.	Nơi sinh	Kim Anh – Kim Thành – Hải Dương
5.	Quốc tịch	Việt Nam
6.	Địa chỉ thường trú	Tổ 5, khu Sơn Thạch, phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh
7.	Số CMTND	100540694 Nơi cấp: CA Quảng Ninh Ngày cấp: 16/10/2012
8.	ĐT liên lạc	Nhà riêng 033 3712119 Di động: 0912458174
9.	Trình độ chuyên môn	Đại học
10.	Quá trình công tác	Từ ngày/Đến ngày — Chức vụ/Đơn vị công tác

Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
01/1988 – 10/1998	Nhân viên - Nhà máy Đại tu ô tô Cẩm Phả
11/1998 – 5/2001	Chuyên viên Ban kiểm toán - Tổng Công ty Cơ khí năng lượng và Mỏ
6/2001 – 10/2001	Nhân viên phòng Kế toán - XNVT Cơ khí – Cty VT xếp dỡ cẩm Phả
11/2001 – 5/2004	Trưởng phòng Kế toán - Công ty Liên doanh may Bái Tử Long
6/2004 đến nay	Chuyên viên chính Ban kế toán - Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt

		Nam
11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Trưởng ban kiểm soát
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chuyên viên Ban kế toán Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
13.	Sổ cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	Không
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày 15/12/2014)	Không
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Không
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không

❖ **Nguyễn Chí Sinh - Ủy viên BKS**

1.	Họ và tên	NGUYỄN CHÍ SINH	
2.	Giới tính	Nam	
3.	Ngày tháng năm sinh	28/05/1958	
4.	Nơi sinh	Long Tiên – Cai Lậy – Tiền Giang	
5.	Quốc tịch	Việt Nam	
6.	Địa chỉ thường trú	Phường Hồng Hải thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh	
7.	Số CMTND	100681520 ; Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 18/11/1995	
8.	ĐT liên lạc	0912745275	
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế	
10.	Quá trình công tác	Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
		06/1982 - 2/1992	Nhân viên Phòng Sản xuất kinh doanh - Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả
		03/1992 – 10/2012	Phó phòng Sản xuất kinh doanh - Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin
		11/2012 - Nay	Trưởng Ban khoán Quản trị chi phí sản xuất - Ủy viên ban kiểm soát - Công ty

			cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin
11.	Chức vụ công tác tại tổ chức niêm yết	Ủy viên ban kiểm soát	
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	1.585 cổ phần	Tỷ lệ: 0,039 %
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (tại ngày 15/12/2014)	Không	
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không	
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Không	
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không	
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không	
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không	

❖ **Chu Thị Việt Trung - Ủy viên BKS**

1.	Họ và tên	CHU THỊ VIỆT TRUNG	
2.	Giới tính	Nữ	
3.	Ngày tháng năm sinh	22/01/1974	
4.	Nơi sinh	Cẩm Thủy – Cẩm Phả - Quảng Ninh	
5.	Quốc tịch	Việt Nam	
6.	Địa chỉ thường trú	Tổ 6 Khu phố Đập Nước 1 Phường Cẩm Thủy thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh	
7.	Số CMTND	100629605 ; Nơi cấp: Công an Quảng Ninh; Ngày cấp: 31/12/2003	
8.	ĐT liên lạc	01238646268	
9.	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế	
10.	Quá trình công tác	Từ ngày/Đến ngày	Chức vụ/Đơn vị công tác
		02/1995 - 4/2013	Nhân viên Phòng Tổ chức lao động - Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin
		5/2013 - Nay	Nhân viên Phòng Tổ chức lao động, Ủy viên ban kiểm soát Công ty - Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin
11.	Chức vụ công tác tại	Ủy viên ban kiểm soát	

	tổ chức niêm yết		
12.	Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
13.	Số cổ phần cá nhân nắm giữ (tại ngày 15/12/2014)	760 cổ phần	Tỷ lệ: 0,019 %
14.	Số cổ phần được ủy quyền đại diện (nếu có) (tại ngày 15/12/2014)	Không	
15.	Số cổ phần người có liên quan nắm giữ	Không	
16.	Tên tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có)	Không	
17.	Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không	
18.	Các lợi ích liên quan đến Công ty	Không	
19.	Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	Không	

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 27: Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**306.957**	**67.995**
	Nhà cửa vật kiến trúc	130.761	37.643
	Máy móc thiết bị	103.657	17.169
	Phương tiện vận tải	61.099	9.822
	Thiết bị. dụng cụ quản lý	8.439	3.359
II	**TSCĐ vô hình**	**116**	**0**
III	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**173.219**
	Nhà giới thiệu sản phẩm		326
	Dự án đầu tư duy trì và phát triển 2010-2011 và 2012-2013		5.603
	Dự án cải tạo đổi mới		185

STT	Tài sản	31/12/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
	thiết bị		
	Dự án cán thép hình lò		167.105
	Khảo sát sửa chữa hệ thống cán thép		0

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014)

Bảng 28: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức (giao, thuê)	Thời hạn thuê đất	Hồ sơ pháp lý	Đơn vị quản lý
1	Số 486 đường Trần phú Cẩm phả, Quảng Ninh	208.494	Thuê đất	30 năm từ tháng 7/1998 – tháng 7/2028	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 0 849672; ngày cấp: 10/04/1999	Công ty cổ phần Chế tạo máy – vinacomin
2	Phường Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	33.100	Thuê đất	30 năm từ tháng 7/1998 – tháng 7/2028	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 849670; ngày cấp: 10/04/1999	Công ty cổ phần Chế tạo máy – vinacomin
3	Phường Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	1658,2	Thuê đất	50 năm từ tháng 10/1993 – tháng 10/2043	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 462901; ngày cấp: 04/07/2013	Công ty cổ phần Chế tạo máy – vinacomin
4	Phường Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	3.208,0	Thuê đất	50 năm từ tháng 10/1993 – tháng 10/2043	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 811866; ngày cấp: 29/08/2013	Công ty cổ phần Chế tạo máy – vinacomin
5	Số 486 đường Trần phú Cẩm phả, Quảng Ninh	7.000	Thuê đất	Công ty đang làm thủ tuc thuê đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 103540; ngày cấp: 20/02/1997	Công ty cổ phần Chế tạo máy – vinacomin

(Nguồn: VMC)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 29: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014		Kế hoạch 2015	
	Giá trị	% tăng giảm so với 2013	Giá trị	% tăng giảm so với 2014
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	1.011.626	17,8%	1.010.000	(0.16%)
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	5.732	25,7%	5.616	(2.00)%
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	40.850	0%	46.977	15%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.00%		1.00%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	14.0%		13.3%	
Cổ tức	8%		8%	

(Nguồn: VMC)

14.1. *Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.*

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2014 và tình hình dự kiến trong năm 2014 – 2015, Ban Giám đốc đã đề xuất kế hoạch cho năm 2015, theo đó dự kiến năm 2015 công ty sẽ thực hiện với tổng doanh thu bằng xấp xỉ 100% (do trong năm 2014, Công ty đã vượt 100% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt gần 100% so với năm 2014. Cơ sở xây dựng và xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 dựa trên những yếu tố cơ bản sau:

❖ Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Nhiệm vụ trọng tâm đặc biệt quan trọng là chỉ đạo công tác tiếp thị, tìm kiếm tạo việc làm, khắc phục khó khăn nhằm tiếp tục duy trì ổn định việc làm, thu nhập và đời sống công nhân lao động. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ lập hồ sơ thầu, đội ngũ làm công tác thị trường.
- Sửa chữa lớn thiết bị khai thác mỏ, sang tuyển, bến cảng, đường sắt bao gồm máy xúc, máy khoan cầu, máy xúc thủy lực, xe gạt các loại. Tập trung chỉ đạo thực hiện bảo đảm tiến độ theo Quyết định 1389 của Tập đoàn, mềm dẻo, linh hoạt trong đàm phán giá cả với tinh thần cùng chia sẻ khó khăn.
- Chế tạo thiết bị, phụ tùng: Băng tải – máy rót cụm cảng Làng Khánh – Công ty Kho vận Hòn Gai TKV, chuẩn bị triển khai Nhà máy sang tuyển than Vàng Danh 2, các dự án mỏ hầm lò Núi Béo. … bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả để khẳng định vị thế của Công ty.
- Đối với chế tạo cột chống, giàn chống thủy lực, tập trung mọi nỗ lực bảo đảm sản xuất, cung cấp đủ theo nhu cầu của các đơn vị về số lượng, nâng cáo chất lượng và trách nhiệm sau bán hàng nhằm giữ vững thị trường. Đổi mới tư duy điều hành, giữa chế tạo nội bộ và phối hợp với các nhà máy cơ khí trong ngành để khắc phục các bất cập về lao động, thiết bị.
- Tăng cường nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị, phụ tùng cho khai thác hầm lò; thiết kế mở rộng công năng của máy xúc lật hông VMC E500-1 để có điều kiện tăng sản lượng.

Hoàn thiện thiết kế và tiếp tục chế tạo gầu ngoạm điều khiển từ xa để tạo ra mặt hàng mới.

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị cơ khí trong ngành, các hãng nước ngoài để liên kết, liên danh đấu thầu thực hiện các dự án đầu tư của ngành Than, điện, thép, xi măng, phân bón... Từng bước nâng cao năng lực sản xuất, năng lực kỹ thuật công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng tỷ lệ nội địa hóa các chi tiết của sản phẩm cột chống, giàn chống, máy xúc lật hông VMC E500-1.
- Chú trọng công tác đầu tư phát triển sản phẩm mới, chỉ đạo thực hiện thành công các đề tài chế tạo các thiết bị sàng quay đánh tơi, thiết bị cô đặc cho Nhà máy Nhân cơ, Máy khoan trong hầm lò, Máy rót cảng Làng Khánh. …

❖ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các mặt quản lý

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung. điều cỉnh các Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật
- Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch tiết kiệm chi phí năm 2015 là 5 – 10% chi phí biến đổi. Chỉ đạo để thực hiện khoán sản xuất cho các phân xưởng sửa chữa lớn, khoán sửa chữa thường xuyên cho các đơn vị trên cơ sở rút kinh nghiệm khoán sản xuất và tiêu thụ Ôxy, tiếp tục nghiên cứu triển khai khoán sản xuất cho Đúc.
- Tăng cường quản lý vật tư, nguyên vật liệu trên cơ sở định mức, quy trình kỹ thuật và tiêu hao thực tế. Thực hiện nghiêm Quy định về mua bán, quản lý và sử dụng vật tư.
- Tập trung chỉ đạo công tác chất lượng sản phẩm: Chỉ đạo xây dựng chiến lược về sản phẩm, xác định sản phẩm mũi nhọn để tập trung đầu tư năng lực thiết bị, lao động nhằm tạo ra bước ngoặt trong thực hiện chương trình tăng cường năng lực cơ khí chế tạo. Thực hiện đăng ký bản quyền sản xuất các sản phẩm. Tăng cường tính tự chịu trách nhiệm với sản phẩm do mình làm ra, khuyến khích những người có đóng góp quyết định đến việc thực hiện mục tiêu của tổ, đội, phòng ban, phân xưởng sản xuất.
- Tăng cường rà soát định mức lao động, phân phối việc làm; lấy kết quả đấu thầu, các hợp đồng ký được để làm căn cứ điều chỉnh đơn giá tiền lương trên cơ sở hao phí lao động cần thiết và bảo đảm bằng cân bằng chi phí.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tiếp tục tăng cường công tác đào tạo bổ túc chuyên môn nghiệp vụ, gửi đi đào tạo một số nghề, ngành kỹ thuật chuyên môn mà Công ty cần: Kỹ sư Đúc – Luyện kim, Rèn dập, .. thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao để đáp ứng quá trình phát triển của Công ty.

14.2. *Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.*

Dự án "Nhà máy cán thép vì lò và thép hình đặc chủng U, I, L phục vụ khai thác than hầm lò" có công suất là 80.000 tấn/năm.

- Sự cần thiết phải đầu tư Dự án: Nhu cầu thép vì lò và thép hình đặc chủng tiêu thụ trong Tập đoàn TKV là rất lớn, đạt trên 60,000 tấn/năm; hằng năm tăng lên trên ~10,000 tấn/năm; Giảm bớt sự phụ thuộc vào các đơn vị ngoài hoặc nhập khẩu, đều phải dự trữ vật tư cho sản xuất với chu kỳ nhập khẩu 3-4 tháng/ đợt nên nhu cầu vốn cho mua, dự trữ thép vì lò và phụ kiện rất lớn (80-100 tỷ đồng); Đặc biệt, do các đơn vị đang khai thác với nhiều loại tiết diện lò khác nhau nên việc tính toán sơ đồ cắt để sử dụng hầu hết chiều dài thanh thép tiêu chuẩn (11,7m) gặp khó khăn, dẫn đến chiều dài đầu thừa nhiều (8% đến 15%), tuy các đơn vị đã sử dụng vào các công việc khác (làm tà vẹt, cắt làm thanh giằng,…), nhưng vẫn gây lãng phí vật tư khá lớn; Các loại phụ kiện (gông, giằng) do các đơn vị thiết kế

không giống nhau về kích thước (đường kính và chiều dài gudông, chiều dày lập là, …) cho cùng một loại vì lò dẫn tới việc tiêu chuẩn hóa bị hạn chế.

- Tổng mức đầu tư Dự án được điều chỉnh theo Quyết định số 1483/QĐ-CTM-HĐQT là 227.935.094.261 đồng. Tổng mức đầu tư ban đầu theo Quyết định số 2786/QĐ-ĐT là 144.974.003.000 đồng. Lý do điều chỉnh tổng mức đầu tư là do thời gian hoàn thành kéo dài và giá nguyên vật liệu đầu vào gia tăng.

ĐVT: Nghìn đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư ban đầu.	Tổng mức đầu tư điều chỉnh
Tổng số	***144.974.003***	***227.935.094***
Chi phí xây dựng	17.634.108	31.280.932
Chi phí thiết bị	104.210.482	148.831.400
Chi phí quản lý dự án	790.491	790.491
Chi phí tư vấn ĐTXD	3.043.233	3.168.880
Chi phí khác	6.116.234	38.657.665
Dự phòng	19.179.455	5.205.726

(Nguồn: VMC)

- Tính đến ngày 31/12/2014, thực tế đầu tư của Dự án Dây chuyền cán thép hình là 227,9 tỷ đồng, đạt 100% trên tổng mức phê duyệt. Tổng giá trị quyết toán đầu tư đến thời điểm 31/12/2014 là 173,2 tỷ đồng.
- Đến thời điểm 31/3/2015, dự án đã hoàn thiện cơ bản các nội dung công việc như sau: toàn bộ thiết bị đã lắp đặt, chạy thử đơn động không tải, liên động dây chuyền; hệ thống nước, hệ thống khí, hệ thống dầu đã hoàn thiện và chạy thử; lò gia nhiệt đã hoàn thiện đang lập phương án sấy lò và sản xuất thử. Các nội dung theo kế hoạch hoàn thiện vào quý II/2015 là sấy lò, hiệu chỉnh thiết bị và sản xuất thử vào tháng 4/2015. Công ty dự kiến hoàn thành sản xuất thử, chuyển bàn giao đưa vào sử dụng vào quý III/2015.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đề ra trong năm 2015 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán

cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Mã chứng khoán

CTT

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

4.085.000 cổ phần

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Tổng số lượng cổ phiếu của CTCP Chế tạo máy - Vinacomin bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 122.584 cổ phiếu chiếm 3.00% trên vốn điều lệ của Công ty. Cụ thể:

Bảng 30: Danh sách nắm giữ cổ phần

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Công Hoan	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành	1.600	800
2	Bùi Xuân Hạnh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	12.267	6.134
3	Lê Viết Sự	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	11.092	5.546
4	Nguyễn Văn Thế	Ủy viên HĐQT	2.028	1.014
5	Đinh Văn Tấn	Ủy viên HĐQT	3.711	1.856
6	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	8.619	4.310
7	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	19.647	9.824

8	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	-	-
9	Nguyễn Chí Sinh	Ủy viên BKS	1.585	793
10	Chu Thị Việt Trung	Ủy viên BKS	760	380
11	Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinacomin	Đại diện sở hữu – Đinh Văn Tấn – TV HĐQT – Chủ tịch Công đoàn Công ty	61.275	30.638
		Tổng cộng	**122.584**	**61.292**

(Nguồn: VMC)

6. Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Giá trị sổ sách của cổ phiếu CTT tại các thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 31/12/2014 như sau

Bảng 31: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty cổ phần Chế tạo máy Vinacomin

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2014
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	48.740.043.656	48.160.283.836	54.098.164.124
Số lượng cổ phần đang lưu hành (Cổ phần)	4.085.000	4.085.000	4.085.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C)=(A)/(B)	11.931	11.790	13.243

7. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của các phương pháp:

- Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần – Price/Earnings (P/E)

  Hệ số P/E được tính toán bằng giá trị P/E bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

  Giá trị của cổ phiếu CTT = P/E trung bình * EPS (CTT)

- Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B)

  Hệ số P/B được tính toán bằng giá trị P/B bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

  Giá trị của cổ phiếu CTT = P/B trung bình * Book value (CTT)

- Phương pháp khác

Trên cơ sở các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày đầu giao dịch của cổ phiếu Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin sẽ do Hội đồng quản trị công ty thông báo bằng văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty đại chúng là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty cổ phần Chế tạo máy – Vinacomin tại thời điểm 15/12/2014 là 0 cổ phần

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. *Đối với Công ty*

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

9.2. *Đối với nhà đầu tư*

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
  - ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
  - ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0.1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức:
  - ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
  - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính

bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhân cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
  - ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.
  - ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6. Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1. Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39 724 568 Fax: (84-4) 39 724 600

2. Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3824 1990 Fax: (84.4) 3825 3973

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán 2014
4. **Phụ lục khác**

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CÔNG HOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
PHẠM THU HƯƠNG	**HOÀNG MẠNH HÙNG**

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
GIÁM ĐỐC KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

PHẠM DUY